

ANNUAL REPORT

2020



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Năm báo cáo: 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty : Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An
- Giấy chứng nhận đăng ký DN số : 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 05 năm 2009, thay đổi lần thứ 12 ngày 15 tháng 5 năm 2020
- Vốn điều lệ : 487.827.510.000 đồng
(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi bảy tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 487.827.510.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính : tầng 7, số 45, phố Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3987 7515 : Fax: (84-24) 3974 4022
- Website : www.haiants.vn
- Mã chứng khoán : HAH

2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2009

- Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tiền thân là Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An được thành lập ngày 08/05/2009 theo Giấy ĐKKD lần đầu và mã số thuế 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp với mức VDL 150.000.000.000 đồng. Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An được hình thành trên cơ sở góp vốn của bốn đơn vị bao gồm Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải, Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội (tên gọi cũ là Công ty cổ phần MHC), Công ty cổ phần Đóng mới và sửa chữa tàu Hải An (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Đóng tàu Hải An) và Công ty cổ phần Hải Minh.
- Tháng 05/2009, Công ty xây dựng bến container đầu tiên.

Năm 2010

- Tháng 08/2010, Công ty thực hiện lắp đặt cần cầu chuyên dụng 45 tấn đầu tiên tại cầu tàu.
- Tháng 10/2010, thành lập công ty con 100% vốn – Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP) có GCN ĐKKD và mã số thuế 0201126468
- Sau 20 tháng triển khai xây dựng, Cảng Hải An hoàn thành giai đoạn 1.

- Ngày 15/12/2010, Lễ khánh thành cảng container Hải An được tổ chức và tàu container “MV Mell Senang” với trọng tải 700TEU của hãng Mariana Express Lines Pte cập bến.
- Ngày 07/10/2010 Công ty thực hiện tăng VDL lên 187,5 tỷ đồng theo GCN ĐKKD thay đổi lần 5, với sự góp vốn thêm từ 3 công ty: Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà, Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng Hải (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Hàng hải MACS) và Công ty cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại Thương-TP Hồ Chí Minh (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Transimex-Saigon).

Năm 2011

- Ngày 06/02/2011, tàu “MV Ice Moon” trọng tải 700TEU cập bến.
- Ngày 06/07/2011, tàu “MV Paphos” trọng tải 700TEU của hãng Yangming Marine Transport (YML) cập bến.
- Ngày 05/11/2011, tàu container “MV Vinalines Pioneer” của hãng K-line trọng tải 560TEU cập bến.
- Ngày 19/09/2011, Công ty chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An theo GCN ĐKKD lần thứ 6 với 7 cổ đông sáng lập là: Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải, Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội (tên gọi cũ là Công ty cổ phần MHC), Công ty cổ phần Đóng mới và sửa chữa tàu Hải An (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Đóng tàu Hải An), Công ty cổ phần Hải Minh, Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà, Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng Hải (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Hàng hải MACS) và Công ty cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại Thương-TP Hồ Chí Minh (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Transimex-Saigon).

Năm 2012

- Ngày 01/03/2012, công ty con của Công ty là Công ty TNHH Cảng Hải An góp 50% vốn thành lập Công ty TNHH Đại lý và tiếp vận Hải An (HAAL) với GCN ĐKKD và mã số thuế số 0201244461.
- Ngày 13/04/2012, Công ty nhận sáp nhập Công ty cổ phần Đóng tàu Hải An và tăng VDL lên 231,96 tỷ đồng theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 7.
- Ngày 28/04/2012, tàu “MV Pacific Grace” của hãng Pendulum Express Lines Pte trọng tải 836TEU cập bến.
- Ngày 14/08/2012, công ty con của Công ty là Công ty TNHH Cảng Hải An góp 20% vốn thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải (HAS) sau được đổi tên thành Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS) với Giấy CN ĐKKD và mã số thuế 0201275526.

Năm 2013

- Ngày 05/01/2013, tàu container “MV Methi Bhum” của hãng Regional Container Lines (RCL) trọng tải 1000TEU cập bến.
- Tháng 04/2013, Công ty nhận chứng nhận ISO 9001 – 2008.

- Ngày 04/07/2013, tàu “MV YM Inventive” trọng tải 1.805TEU là tàu container lớn nhất có chiều dài 172,5m cập bến làm hàng tại cảng Hải An.
- Ngày 01/09/2013, Công ty bắt đầu cung cấp dịch vụ vận tải container nội địa tuyến Hải Phòng - Hồ Chí Minh - Hải Phòng

Năm 2014

- Tháng 01/2014, tàu Leadtop trọng tải 600TEU (chở container lạnh) cập bến.
- Tháng 04/2014, tàu của các hãng liên kết OEL/YML trọng tải 1000TEU cập bến.
- Ngày 19/03/2014, Công ty kí thỏa thuận mua tàu container đầu tiên. Ngày 08/05/2014, tiếp nhận tàu MV “Haian Park” tại Thượng Hải và tổ chức “Lễ bàn giao tàu” tại Hamburg. Ngày 16/05/2014, tàu MV “Haian Park” chính thức tham gia vào tuyến vận tải container nội địa.
- Ngày 11/06/2014, Công ty tổ chức Lễ tiếp nhận tàu và công bố tuyến vận chuyển container nội địa với lịch tàu 03 chuyến/tuần.
- Ngày 25/07/2014, Công ty nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng và được Ủy ban chấp thuận thành công ty đại chúng theo Công văn số 4886/UBCK-QLPH ngày 29/08/2014.
- Ngày 20/10/2014, Công ty tiếp nhận tàu container thứ hai MV “Haian Song” trọng tải 1.121TEU tại Singapore và đưa tàu vào hoạt động trên tuyến Hồ Chí Minh/Hải Phòng từ cuối tháng 10/2014.
- Ngày 22/12/2014, Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ 217 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2015

- Ngày 21/01/2015, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 15/QĐ-SGDHCM.
- Ngày 11/03/2015, cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.
 - + Loại chứng khoán: Phổ thông
 - + Mã chứng khoán: HAH
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/CP
 - + Số lượng chứng khoán niêm yết hiện tại: 23.196.232 CP
- Tháng 9/2015, Công ty đã tiếp tục đầu tư tàu container thứ ba, tàu mang tên là “HAIAN TIME” và được Công ty tổ chức tiếp nhận tại THAILAND ngày 29 tháng 09 năm 2015. Đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Nhật năm 2001, đăng kiểm NK, sức chở 1.032 Teus, trọng tải 18.055 DWT với mớn 9,050m, tốc độ tối đa 21 hải lý/giờ. Tàu đã được đưa vào khai thác chuyến đầu tiên trên tuyến Hồ Chí Minh - Hải Phòng vào ngày 05/10/2015.

- Tháng 11/2015, thành lập công ty con 50,5% vốn - Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT), có GCN ĐKKD và mã số thuế 0201655535.

Năm 2016

- Ngày 10/3/2016, Công ty cổ phần Vận tải và xếp dỡ Hải An tổ chức “Lễ kỷ niệm một năm ngày niêm yết cổ phiếu HAH tại HOSE và khai trương tuyến Liner vào cảng Cái Mép”.
- Ngày 22/05/2016, Công ty cổ phần Vận tải và xếp dỡ Hải An khai trương Chi Nhánh “Hải An Vũng Tàu” tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Năm 2017

- Ngày 01/01/2017, HAH chính thức trở thành Tổng đại lý cho hãng tàu SM Line Corporation-Hàn Quốc tại Việt Nam.
- Tháng 3/2017: Chuyển tàu đầu tiên của SM Line cập cảng Việt Nam
- Tháng 5/2017: Công ty đã tiếp tục đầu tư tàu container thứ tư, mang tên “HAIAN BELL” và được Công ty tổ chức tiếp nhận tại BUSAN, HÀN QUỐC ngày 08 tháng 5 năm 2017. Đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Đức năm 2003, hiện được phân cấp đăng kiểm GL (Đức), sức chở 1.200 Teus, trọng tải 14.308 DWT, tốc độ tối đa 19 hải lý/giờ.
- Tháng 6/2017: Công ty đã đầu tư thêm tàu container thứ năm, tàu “HAIAN FAIR”. Tàu được Công ty tổ chức tiếp nhận tại RIO DE JANEIRO, BRAZIL ngày 06 tháng 6 năm 2017. Đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Đức năm 2007, hiện được phân cấp đăng kiểm ABS (Hoa Kỳ), sức chở 1.706 Teus, trọng tải 18.017 DWT, tốc độ tối đa 21 hải lý/giờ.
- Ngày 21/9/2017: Ký kết hợp đồng liên doanh với Pantos Holding Incorporation (Hàn Quốc) để thành lập công ty liên doanh đầu tiên với nước ngoài: Công ty TNHH Pan-Hải An (PANHAIAN) với GCN ĐKDN và MST số 0201815115.
- Ngày 25/12/2017: Công ty góp 40% vốn thành lập Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An (HAFC).

Năm 2018

- Hoàn thành việc góp vốn đầu tư vào dự án Trung tâm Logistics Pan Hải An, hoàn tất việc xây dựng giai đoạn 1 của dự án (xây dựng depot có tổng diện tích 80.000 m2) và tiến hành khai thác từ tháng 8/2018.
- Tháng 11/2018, Công ty đã đầu tư mua và tiếp nhận thành công tàu HAIAN LINK, đóng năm 2010 tại Nhật, sức chở 1.060 TEU, trọng tải 15.204 DWT.

Năm 2019

- Tháng 5/2019: Công ty đã đầu tư thêm tàu “HAIAN MIND, đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Quảng Ninh, Việt Nam năm 2012, sức chở 1.794 Teus, trọng tải 25.793,2 DWT, tốc độ tối đa 21 hải lý/giờ.

- Tháng 10/2019, Công ty đã tiến hành đầu tư và xây dựng giai đoạn 2 dự án Trung tâm Logistics Pan Hải An gồm các hạng mục: nhà kho CFS và văn phòng kho; hạ tầng kỹ thuật phụ trợ; bãi container và đường nội bộ (giai đoạn 2). Dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối tháng 4/2020.

Năm 2020

- Hoàn thiện thủ tục nhận chuyển nhượng tòa nhà Hải An tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Hoàn thiện, đầu tư nâng cấp cầu cảng Hải An để tiếp nhận được tàu có trọng tải đến 25.800 DWT.
- Tháng 7/2020, đã tiến hành đưa 02 kho CFS với tổng diện tích 20.000 m² tại bãi Panhaian, KCN Nam Đình Vũ vào hoạt động chính thức.
- Cuối tháng 7/2020, đã đầu tư mua và tiếp nhận thành công tàu HAIAN VIEW, đóng năm 2009 tại Nhật, sức chở 1.577 TEU, trọng tải 21.440 DWT. Sau khi tiếp nhận, tàu này đã được đưa vào tuyến nội địa để khai thác.
- Trong năm 2020, Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên HAIAN GROUP cũng đã tham gia vào nhiều công tác thiện nguyện như: ủng hộ cho chương trình "Nước cho vùng hạn mặn" tại huyện Mỹ Xuyên và thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng; hỗ trợ, ủng hộ cho đồng bào bão lụt tại các tỉnh miền Trung; ủng hộ để xây dựng tường rào và đổ sân bê tông cho cô trò vùng cao...

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính

- + Xây dựng và cung cấp các dịch vụ cảng biển: Bốc xếp, lưu giữ hàng hóa,
- + Vận tải hàng hóa bằng đường biển
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải đa phương thức.
- + Dịch vụ logistics.
- + Dịch vụ đại lý vận tải biển.

- **Địa bàn kinh doanh:** Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị của công ty: Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát; Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc

- Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT,

Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 7 thành viên, các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty theo quy định trong Điều lệ Công ty.

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT của Công ty bao gồm các thành viên sau:

Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT

- **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông theo quy định trong Điều lệ của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Ban kiểm soát của Công ty bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thơm	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Kiểm soát viên

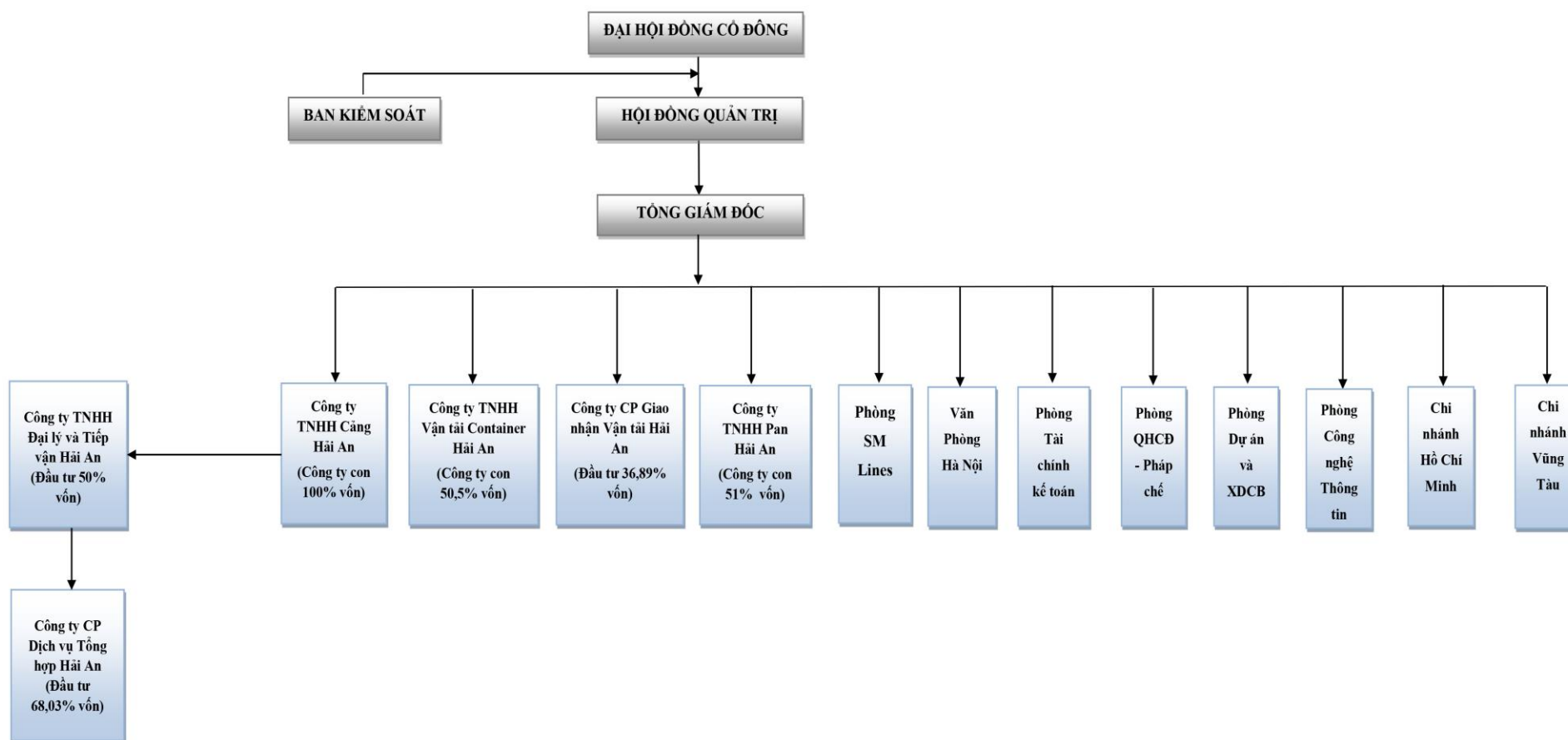
- **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban TGD Công ty bao gồm:

Ông Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Tiến	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/6/2020)
Bà Trần Thị Thanh Hào	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm Phụ trách kế toán Công ty

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



- Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Công ty	Quan hệ	Vốn điều lệ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2020	Trụ sở
1	Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con	30.000.000.000 đồng	Khai thác cảng, cung cấp dịch vụ bốc xếp, giao nhận, kho bãi, vận chuyển đường bộ ...	100%	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
2	Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của công ty con	25.000.000.000 đồng	- Tổ chức vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đại lý vận tải đường biển, logistics. - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải....	50%	Tầng 2, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
3	Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)	Công ty con của công ty liên kết	10.000.000.000 đồng	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa...	68,03%	Tầng 3, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
4	Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con	200.000.000.000 đồng	- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa...	50,5%	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

TT	Công ty	Quan hệ	Vốn điều lệ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2020	Trụ sở
5	Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết	4.050.000.000 đồng	- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (bao gồm cho thuê tàu khai thác và thuyền viên) - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	36,89%	Tầng 14 tòa nhà Việt, số 1 phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
6	Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con	273.770.000.000 đồng	- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa - Chi tiết: Dịch vụ kho bãi, bãi container và lưu giữ hàng hóa - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa - Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa và công-ten-nơ bằng đường thủy nội địa	51%	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

5. Định hướng phát triển

Năm 2020 là năm có rất nhiều khó khăn, biến động bất thường, dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng trên phạm vi toàn cầu, cả thế giới phải thực hiện phong tỏa, cách ly nên sản xuất, thương mại suy giảm, đặc biệt là đối với các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Châu Âu. Đối với ngành hàng hải, qui định của IMO về việc chỉ sử dụng dầu đốt có hàm lượng Lưu huỳnh dưới 0,5% bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2020, trong khi nhiều nhà máy lọc dầu và hệ thống phân phối chưa chuyển đổi kịp làm cho giá nhiên liệu cho đội tàu tăng vọt, cuối tháng 1/2020, có lúc giá dầu Low-Sulfur (< 0,5% S) đã lên tới 720USD/tấn, gấp gần hai lần so với giá dầu nhiên liệu năm 2019 (bình quân 371 USD/tấn). Tuy nhiên, do thương mại thế giới suy giảm nhanh, nhu cầu dầu giảm mạnh nên mức giá cao chỉ duy trì được khoảng 3 - 4 tháng, nhờ thế chi phí nhiên liệu cho đội tàu vận tải chỉ tăng dưới 10% so với năm 2019.

Đối với Việt Nam nhờ Chính phủ và cả nước quyết liệt chống dịch nên đã không chế được dịch bệnh đồng thời tận dụng được nhiều cơ hội để khôi phục và phát triển kinh tế nên GDP vẫn tăng gần 3%, nhờ vậy các ngành dịch vụ như vận tải, bốc xếp, logistics vẫn có điều kiện đứng vững và phát triển. Riêng Công ty không chỉ đạt kết quả sản xuất kinh doanh tốt, vượt tất cả các chỉ tiêu mà ĐHCĐ năm 2020 đặt ra mà còn tận dụng được nhiều cơ hội để đầu tư tăng năng lực kinh doanh của Công ty.

Xuất phát từ bối cảnh nêu trên, Công ty đã xác định định hướng phát triển cho các năm tới như sau:

- Tiếp tục đầu tư, phát triển đội tàu với mục tiêu cung cấp “daily service” ở các tuyến chính HCM - HP - CM.
- Tập trung tìm kiếm các cơ hội để đầu tư cơ sở hạ tầng cảng và depot ở Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, đảm bảo dây chuyền công nghệ khép kín.
- Đối với logistics, tập trung lựa chọn và phát triển các phần mềm CNTT cho phù hợp với mô hình kinh doanh (lấy Shipping làm trung tâm sau đó sẽ ghép, tích hợp module, phần mềm với các dịch vụ khác) để nâng cao chất lượng dịch vụ và quản lý.
- Về nhân lực, tập trung tuyển nhân sự trẻ, chất lượng cao qua các kênh headhunter để tối đa hóa khả năng tìm người phù hợp và đạt được hiệu quả cao nhất cho Công ty.

Trên cơ sở những phân tích và nhận định trên đây, định hướng và chiến lược kinh doanh của Công ty hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển chung của ngành cảng biển - vận tải - logistics, với chính sách của Nhà nước và xu thế chung của ngành cảng biển - vận tải - logistic trên thế giới.

6. Các nhân tố rủi ro

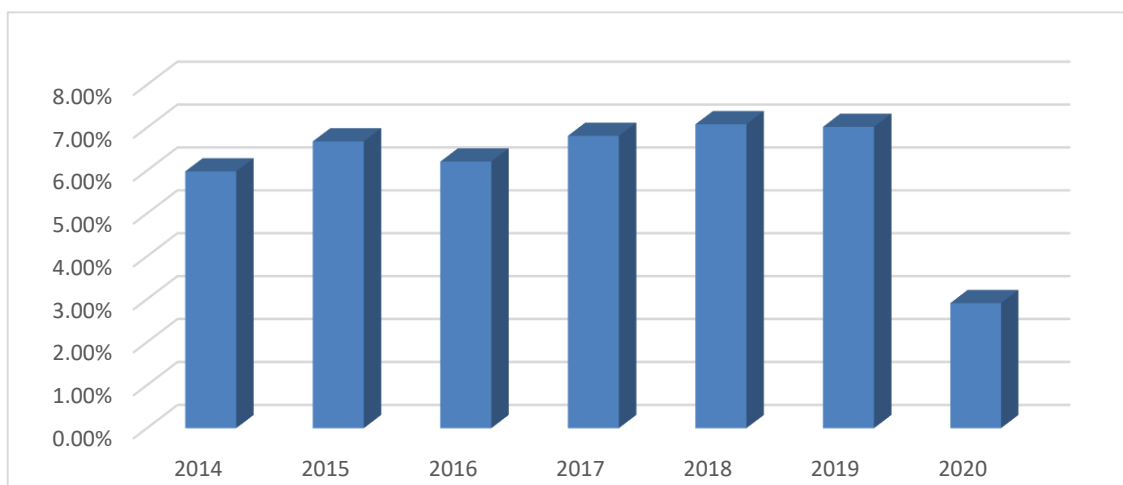
6.1 Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải và khai thác cảng.

a) Tăng trưởng kinh tế

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP đạt 2,91%.

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới. Cùng với Trung Quốc và Myanmar, Việt Nam là một trong ba quốc gia ở châu Á có mức tăng trưởng tích cực trong năm nay; đồng thời quy mô nền kinh tế nước ta đạt hơn 343 tỷ USD, vượt Singapore (337,5 tỷ USD) và Malaysia (336,3 tỷ USD), đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á (sau Indonesia 1.088,8 tỷ USD; Thái Lan 509,2 tỷ USD và Philippines 367,4 tỷ USD).



GDP qua các năm (2014-2020)

Ngành công nghiệp hồi phục mạnh trong quý IV, sau hai quý liên tiếp chịu tác động của các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2020 ước tính tăng 3.35% so với năm 2020. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4.93% (Quý I tăng 7.23%, quý II tăng 1.92%; quý III tăng 2.54%; quý IV tăng 9.04%). Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3.07%. Ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 4.25%. Ngành khai khoáng giảm -7.81%.

Chỉ số PMI tháng 12 tăng về ngưỡng tăng trưởng 51.7 điểm, từ 49.9 điểm trong tháng 11, cao hơn mức trung bình năm là 47.24 điểm (trung bình năm 2019 là 51.53 điểm). Các cấu phần của chỉ số cho thấy tín hiệu hồi phục được duy trì. Sản lượng, số lượng đơn đặt hàng, cùng lực lượng lao động đều tăng trong tháng 12. Cùng với đó, giá bán hàng tăng, cho thấy cầu hàng hóa cho hoạt động sản xuất hồi phục. Triển vọng chung tích cực, với kỳ vọng ảnh hưởng của dịch Covid-19 giảm dần trong 2021.

Là một Công ty hoạt động trong ngành dịch vụ cảng biển, vận tải biển và logistics, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là một chỉ báo quan trọng không những phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển trung và dài hạn.

b) Lạm phát

CPI năm 2020 đạt mức 0,19% YoY vào tháng 12/2020, khiến mức CPI trung bình cả năm 2020 đạt mức 3,23%, thấp hơn tương đối nhiều so với mức trần 4,0% của Chính phủ. Trong năm 2020, CPI quý I đạt 5,56% YoY, quý II đạt -1,87% YoY, quý III đạt 3,18% và quý IV đạt 0,22%.

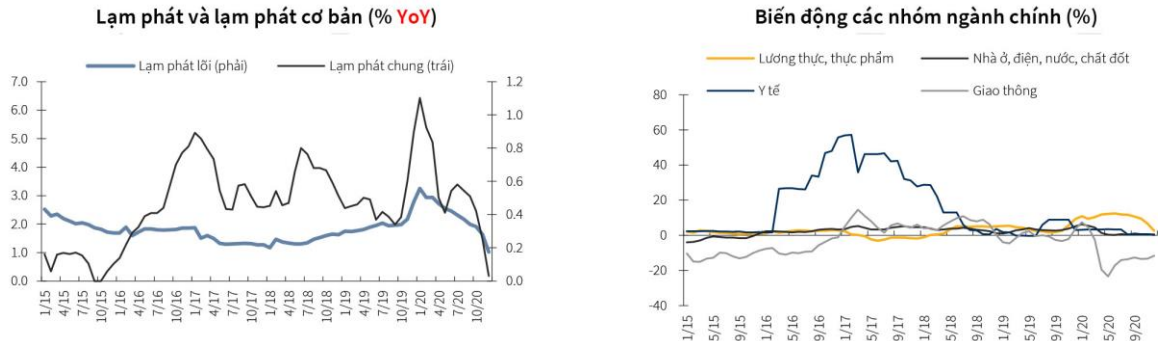
Trong năm 2020, các yếu tố chính tác động tới CPI bao gồm:

- Giá nhóm thực phẩm tăng 12,3% YoY, chủ yếu do giá thịt lợn đã tăng 57,2% YoY, làm CPI chung tăng 2,6%;
- Giá nhóm lương thực tăng 4,5%, do giá gạo xuất khẩu tăng 5,1% và làm CPI chung tăng 0,2%;
- Giá nhóm giao thông giảm 11,2% do giá xăng dầu giảm 23,0%, giúp CPI chung giảm 0.8%.

Ngoài ra, trong năm 2020, Chính phủ đã thành công trong việc kiểm soát lạm phát khi áp lực gia tăng trong 6 tháng đầu năm do giá thịt lợn tăng đột biến:

- Cho phép nhập khẩu thịt lợn và lợn giống từ Thái Lan để bình ổn giá. Trên thực tế, giá thịt lợn đã giảm gần 15% sau giai đoạn trên.
- Yếu tố giá dịch vụ công như y tế được kiểm soát chặt chẽ khi yêu cầu hoãn tăng lương cơ sở của Chính phủ vào đầu tháng 7 giúp cho giá nhóm y tế không còn áp

lực tăng như các năm trước. Ngoài ra, Chính phủ cũng đã yêu cầu các Bộ phối hợp để không tăng giá các nhóm hàng dịch vụ Nhà nước.

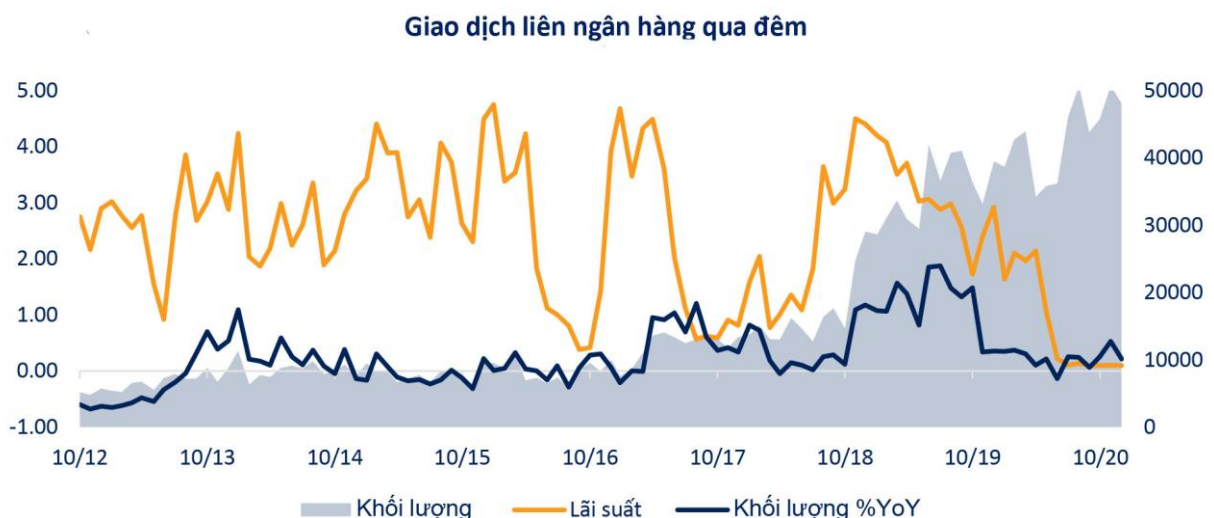


Đối với doanh nghiệp dịch vụ cảng và vận tải biển như HAH, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá xăng dầu và giá nhân công. Bên cạnh đó, tình hình lạm phát cũng ảnh hưởng đến khối doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu - những khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào.

c) Ngân hàng - Lãi suất

- Tính hết 2020, tín dụng tăng 12,13%, cao hơn kỳ vọng 9-10% hồi giữa năm của Ngân hàng Nhà nước. Tính tới 18/12, tổng phương tiện thanh toán tăng 12,83%.
- Lãi suất liên ngân hàng kỳ qua đêm duy trì quanh 0,10% trong nửa cuối năm 2020.

Trong năm qua, lãi suất tái cấp vốn được cắt giảm ba lần về còn 4%, góp phần thúc đẩy tín dụng tăng cao hơn kỳ vọng giữa năm. Đồng thời, việc hoạt động sản xuất dần phục hồi, cũng làm tăng nhu cầu tín dụng giai đoạn cuối 2020.



Tuy nhiên, mức chênh giữa phương tiện thanh toán và tín dụng duy trì tại mức cao, phản ánh việc dòng vốn sử dụng cho kinh tế vẫn chưa được phân phối hiệu quả. Lượng giao dịch liên ngân hàng tăng nửa cuối năm 2020, tương ứng giai đoạn lãi suất thấp, cho thấy thanh khoản dồi dào, trong khi nhu cầu vốn ở mức vừa phải.

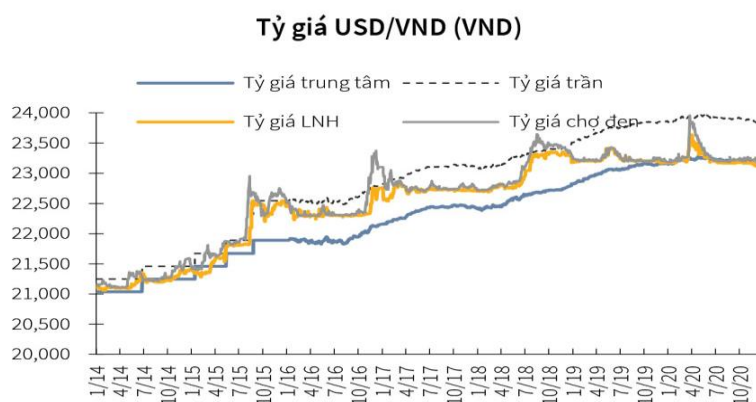
Lạm phát ổn định nửa đầu năm tới, tạo điều kiện duy trì lãi suất điều hành tại mức hiện hành trong 2021. Thêm vào đó, FED khả năng duy trì lãi suất điều hành tại mức gần 0% cho tới hết 2022, giảm bớt áp lực tăng lãi suất với NHNN. Với nền tảng vĩ mô hồi phục, sản xuất kinh doanh trở lại gần nhịp hoạt động tương đương giai đoạn trước dịch bệnh, tín dụng năm được kỳ vọng có thể đạt 14% năm 2021.

d) Tỷ giá hối đoái

- Tỷ giá USD/VND trong năm 2020 có biến động mạnh trong tháng 03 và 04 nhưng đã nhanh chóng ổn định lại và duy trì xu hướng đi ngang.
- Tỷ giá trung tâm USD/VND trong năm 2021 ước tính có thể giảm xuống ngưỡng 22,206-22,321 USD/VND do áp lực từ việc Việt Nam bị cáo buộc vào danh sách thao túng tiền tệ.

Tỷ giá USD/VND duy trì xu hướng đi ngang trong năm 2020 khi tình trạng xuất siêu Việt nam đạt mốc 19.1 tỷ USD, mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Tính đến ngày 31/12, tỷ giá trung tâm giảm -0.1% YoY, tỷ giá liên ngân hàng giảm nhẹ -0.2% YoY, trong khi tỷ giá tự do tăng +0.5% YoY. Nguồn cung ngoại hối dồi dào đã giúp tỷ giá duy trì nhịp vận động ổn định trong năm 2020.

Tác động của COVID-19 đã khiến đồng tiền USD suy giảm so với hầu hết các đồng tiền khác trên thế giới khi giới, khi các nhà đầu tư cá nhân tìm đến các kênh tài sản an toàn khác như vàng và trái phiếu chính phủ. Từ đầu năm đến ngày 31/12, chỉ số Dollar Index (DXY) giảm -6.7% và đồng USD đều giảm giá so với nhiều đồng tiền khác như USD/CNY (+6.3%); USD/EUR (+8.22%) và USD/CHF (+8.42%).



Diễn biến tỷ giá USD/VND

Tuy nhiên do đặc thù của công ty, nguồn nguyên vật liệu có sẵn trong nước mà không phải nhập khẩu nên tác động của biến động tỷ giá lên nguồn nguyên liệu đầu vào là không có. Mặc dù vậy, Công ty hiện đang vay ngoại tệ để đầu tư mua sắm tài sản cố định.

6.2 Rủi ro về pháp luật

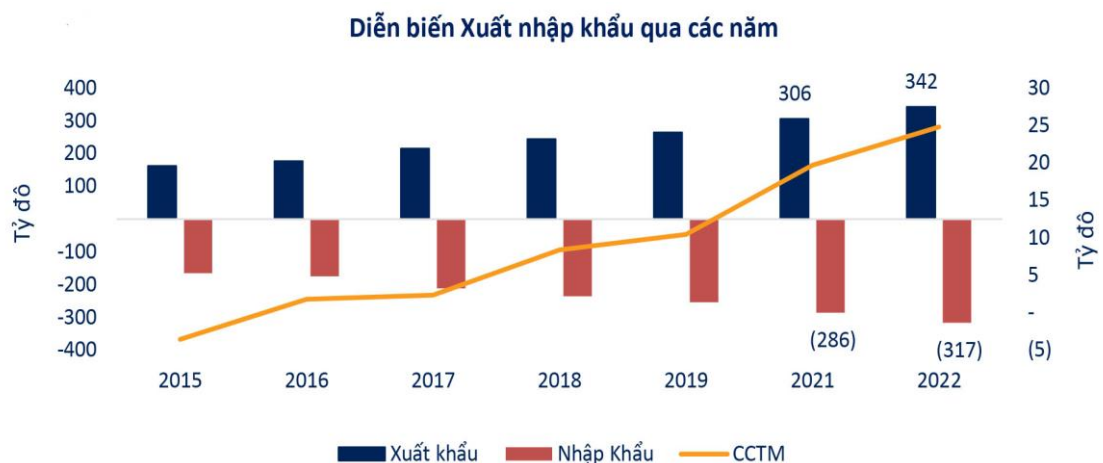
Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty.

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

6.3 Rủi ro đặc thù ngành

a) Rủi ro ngành

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp bởi chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu biên mậu giữa Việt Nam và các nước khác bao gồm chính sách thuế, phí và chính sách kiểm dịch, an toàn vệ sinh và kiểm tra các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, chính sách quản lý đặc thù đối với mỗi loại hàng hóa trong từng thời kỳ... Số liệu thống kê của Tổng cục thống kê cho thấy năm 2020, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 281.5 tỷ USD, tăng 6.5%; nhập khẩu hàng hóa đạt 262.4 tỷ USD, tăng 3.6%, cán cân thương mại ước tính đạt 19.1 tỷ USD.



Trong thời gian qua, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn của chính sách biên mậu với Trung Quốc, là thị trường xuất nhập khẩu chủ chốt của Việt Nam.

Việc nói lỏng hoặc thắt chặt chính sách kiểm soát hoạt động tạm nhập tái xuất của Chính phủ Việt Nam hoặc chính phủ Trung Quốc trong mỗi giai đoạn ảnh hưởng không nhỏ đến lượng hàng thông quan qua cảng và doanh thu từ dịch vụ container lạnh. Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát và cập nhật các thông tin chính sách mới để có thể ứng phó trong mọi tình huống.

b) Rủi ro giá nhiên liệu

Do hoạt động ngành giao thông vận tải và giao nhận hàng hóa nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tăng giảm giá nhiên liệu. Tuy nhiên do xăng dầu phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thế giới, Công ty chỉ có thể điều chỉnh giá dịch vụ một cách tương ứng và phù hợp với thị trường.

c) Rủi ro cạnh tranh

Ngày 14/04/2013, dự án xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng - Lạch Huyện chính thức được khởi công xây dựng. Đây là dự án nằm trong danh mục các dự án kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, thiết yếu giai đoạn đến năm 2020, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 11/4/2007. Với mục tiêu phát triển cảng Hải Phòng tại khu bến Lạch Huyện để có thể tiếp nhận cỡ tàu tới 100.000 DWT (tàu container 8.000 TEU), dự án dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 05 năm 2018. Sau khi cảng Lạch Huyện được đưa vào khai thác sẽ tạo ra sức ép cạnh tranh đối với hệ thống các cảng khu vực Đình Vũ, Bạch Đằng, Sông Cấm, Sông Tranh nói chung và đối với cảng Hải An nói riêng.

Ngoài ra Công ty đang phải đối mặt với tình trạng cạnh tranh về giá giữa các cảng trong khu vực Hải Phòng. Các doanh nghiệp cùng ngành sẵn sàng giảm 20% giá hoặc chấp nhận lỗ để thu hút khách hàng.

Đây chính là những thách thức lớn và rủi ro trong cạnh tranh đối với cảng Hải An trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên Ban lãnh đạo doanh nghiệp đã thấy rõ các thách thức này và đã chủ động chuẩn bị kế hoạch đầu tư tàu container và tổ chức tuyến vận tải container nội địa từ cuối năm 2013 nhằm đảm bảo công việc cho cảng Hải An. Với việc phát triển tuyến vận chuyển container nội địa và hợp tác với các hãng vận tải container nước ngoài duy trì các tuyến vận chuyển container ngắn (Feeder) nhằm đảm bảo “đầu vào” cho cảng, chắc chắn hiệu quả kinh doanh của Công ty sẽ được đảm bảo. Bên cạnh việc duy trì và phát triển dịch vụ vận tải container Công ty đã thành lập liên doanh với đối tác Hàn Quốc để đầu tư xây dựng và kinh doanh một Depot tại khu công nghiệp Nam Đình Vũ nhằm cung cấp các dịch vụ lưu container rỗng, lưu kho hàng hóa, thu gom và phân phối hàng lẻ, bảo dưỡng sửa chữa container... nhằm khép kín quy trình cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng và hãng tàu với giá cả cạnh tranh. Trong năm 2018 và các năm sau Công ty sẽ tiếp tục đầu tư hệ thống kho bãi tại Vũng Tàu, nhờ vậy kể từ năm 2019-2020, Công ty có thể hoàn chỉnh chuỗi Logistics của mình bao gồm Vận tải container, Khai thác cảng container và Cung cấp dịch vụ thu gom (Consolidation), phân phối (Distribution) và thông quan (Custom Clearance) cho hàng

hóa vận chuyển bằng container tại hai khu vực chính của đất nước là Hải Phòng - Hà Nội và Vũng Tàu - Hồ Chí Minh.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Về hoạt động cảng biển

Đơn vị: TEU

	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ
<i>Tổng sản lượng khai thác cảng</i>	315.000	345.381	109,64%
- Bốc xếp hàng xuất nhập khẩu	87.600	86.348	98,57%
- Bốc xếp hàng nội địa	227.400	259.033	113,91%

1.2. Về hoạt động vận tải

	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ
<i>Tổng sản lượng khai thác tàu</i>	290.000	348.862	120,3%

1.3. Các dịch vụ khác

- HAAL tiếp tục thực hiện công việc đại lý cho Pendulum Express đối với tuyến feeder China / India (FIVE) từ tháng 6/2018 tại cảng Lạch Huyện. Đối với dịch vụ khai thác kho CFS, sản lượng thông qua kho CFS và doanh thu đã có tăng trưởng nhưng ở mức chậm. Tổng doanh thu HAAL năm 2020 đạt 107,51 tỷ đồng, LNTT đạt 8 tỷ đồng (đã bao gồm BCC).
- HAGS hoạt động chính trong lĩnh vực vận tải hàng hóa đường bộ và cung cấp các dịch vụ phụ trợ cho các công ty trong nhóm như: vệ sinh container, bốc xếp tại cầu cảng, kho bãi... Năm 2020, tổng doanh thu và LNTT của HAGS lần lượt đạt 21,97 tỷ đồng và 388 triệu đồng.
- HAFC với ngành nghề kinh doanh chính là khai thác hàng door / door trên tuyến nội địa và thực hiện công việc đại lý cho HACT tại khu vực Đà Nẵng. Năm 2020, HAFC đã tiếp tục đạt được những kết quả rất khả quan về doanh thu và lợi nhuận và có đóng góp khá lớn cho sản lượng vận chuyển của đội tàu trên tuyến nội địa. Năm 2020, doanh thu đạt 265,57 tỷ đồng, LNTT đạt 17,38 tỷ đồng.
- Đối với Pan Hải An:

- + Về hoạt động khai thác Depot: việc dư thừa nguồn cung và cạnh tranh gay gắt trên thị trường sẽ còn kéo dài thêm nhiều năm. Ngoài ra, do dịch bệnh kéo dài làm suy giảm thương mại trên toàn cầu nên sản lượng Depot chỉ đạt 60% KH.
- + Về hoạt động khai thác kho CFS: tháng 7/2020, Pan Hải An đã đưa 2 kho với tổng diện tích 20.000 m² vào khai thác. Hiện nay, Công ty hợp tác với APL Logistics để đưa hàng về khai thác tại 1 kho và cho các đối tác San Mugiel và Century thuê 6.000m² kho số 2.
- + Năm 2020, tổng doanh thu đạt 45,7 tỷ đồng, LNST -20,6 tỷ đồng.

2. Tổ chức nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc	
2	Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
3	Trần Quang Tiến	Phó Tổng Giám đốc	
4	Trần Thị Thanh Hảo	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm Phụ trách Kế toán Công ty	

2.2 Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành

- Ông Vũ Thanh Hải

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/09/1973
- Nơi sinh: Thái Bình
- CMND: 024100797, nơi cấp: Công An Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 68 Bis Huỳnh Mẫn Đạt, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại công ty: 024 39876556
- Số điện thoại di động: 0913239196
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
- 1995 - 2001: Cán bộ thị trường, Đại diện trường Chi nhánh Singapore Công ty LD Gemartrans
 - 3/2001 - 4/2002: Phó phòng Khai thác – Ban Quản lý tàu Tổng Công ty Hàng hải

Việt Nam

- 5/2002 - 2009: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức
- 2009 - 09/2014: Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức; Ủy viên HĐTV kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty liên doanh “K” Line Logistics (Việt Nam) Ltd.
- 10/2014 - nay: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức; Ủy viên HĐTV kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty liên doanh “K” Line Logistics (Việt Nam) Ltd;
- Tháng 11/2013 - nay: ủy viên HĐQT CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
- Ngày 16/10/2014 - nay: được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
- Ngày 13/11/2015 - 5/10/2017: Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An, thành viên HĐTV Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
- Ngày 5/10/2017 - nay: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
- Tháng 10/2017 - nay: Thành viên HĐTV Công ty TNHH Pan Hải An
- Tháng 10/2017 - 7/2018: Tổng giám đốc Công ty TNHH Pan Hải An
- Tháng 8/2018 - nay: Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An

Cá nhân sở hữu: 2.250 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ

- **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn**

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/11/1974
Nơi sinh:	Hà Nam
CMND	031782761 do Công an TP. Hải Phòng cấp ngày 19 tháng 6 năm 2009
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 153C Hai Bà Trưng, phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
Số điện thoại công ty:	024.39876556
Số điện thoại di động	0912569414
Địa chỉ email:	Tuan.nn@haiants.vn
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điều khiển tàu biển Cử nhân kinh tế đối ngoại
Quá trình công tác:	
- Từ đầu năm 1999 đến năm 2004: thuyền viên thuộc Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế.	

- Từ năm 2004 đến năm 2008: Trưởng phòng Khai thác thuộc Chi nhánh Hải Phòng - Công ty CP Hàng Hải Hà Nội
- Từ năm 2009 đến hết năm 2010: Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức
- Từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2012: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An
- Từ tháng 02/2012 đến tháng 02/2013: Giám đốc CTCP dịch vụ hàng hải Hải Âu
- Từ tháng 03/2013 đến tháng 01/2015: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An
- Từ tháng 02/2015 đến tháng 10/2017: Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An
- Từ tháng 10/2015 đến tháng 10/2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
- Từ 10/1/2017 đến nay: thành viên HĐQT CTCP dịch vụ tổng hợp Hải An
- Từ tháng 10/2017 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
- Từ tháng 10/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An
- Từ tháng 4/2019 đến nay: thành viên HĐQT CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An

Cá nhân sở hữu

11.125 cổ phần chiếm 0,023% vốn điều lệ

- Ông Trần Quang Tiến

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/11/1968
Nơi sinh:	Hải Phòng
CMND	023451064, ngày cấp: 12/05/2011, nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	91C/493 đường Cánh Mạng Tháng Tám, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại công ty:	024.39876556
Số điện thoại di động	0931058666
Địa chỉ email:	Tien.tq@haiants.vn
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
Quá trình công tác:	

- Năm 1993 - 1999: Phó phòng Terminal - Công ty Germatrans/Gemadep
- Năm 1999-2006: Phó ICD Phước Long - Công ty Gemadep
- Năm 2007-2009: Giám đốc CTCP cảng Quốc tế Gemadep Dung Quất
- Năm 2007-2018: Chủ tịch HĐQT CTCP Cảng Nam Hải
- Năm 2012-2015: Giám đốc CTCP CTCP Cảng Nam Hải Đình Vũ
- Năm 2015-2018: Chủ tịch HĐQT CTCP Nam Hải ICD
- Năm 2019-nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Cánh Đồng Xanh

- Năm 2019-nay: Thành viên HĐQT CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
 - Từ tháng 6/2020 đến nay: Phó Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
- Cá nhân sở hữu 500.500 cổ phần chiếm 1,026% vốn điều lệ

- **Bà Trần Thị Thanh Hảo**

Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	07/02/1988
Nơi sinh:	Hải Phòng
CMND	031188001939 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 20/5/2016
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	8/96 Hợp Hòa, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng
Số điện thoại công ty:	024.39876556
Số điện thoại di động	0936995184
Địa chỉ email:	hao.tt@haiants.vn
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân quản trị tài chính kế toán
Quá trình công tác:	
- Từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2010: Nhân viên kế toán Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An tại TP. Hải Phòng - Từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2015: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Cảng Hải An - Từ tháng 02/2015 đến tháng 9/2017: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm phụ trách kế toán Công ty TNHH Cảng Hải An - Từ tháng 10/2017 đến tháng 5/2019: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An - Từ tháng 6/2019 đến tháng 12/2019: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm phụ trách kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An - Từ tháng 12/2019 đến nay: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm Phụ trách kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An	

2.3 Số lượng cán bộ và chính sách người lao động

- **Cơ cấu và số lượng cán bộ, nhân viên (bao gồm các công ty thành viên)**

Chỉ tiêu	Số lượng lao động
Tổng số lao động	497
Phân theo giới tính	
- Nam	368

Chỉ tiêu	Số lượng lao động
- Nữ	129
Phân theo trình độ học vấn	
- Trình độ đại học trở lên	259
- Trình độ cao đẳng chuyên nghiệp	47
- Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	139
- Lao động phổ thông	52
Phân theo phân công lao động	
- Viên chức quản lý chuyên trách	58
- Viên chức quản lý không chuyên trách	5
- Lao động trực tiếp	345

- **Chính sách đối với người lao động**

Công ty luôn thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với người lao động đã được quy định trong thỏa ước lao động và hợp đồng lao động. Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động, được đảm bảo về việc làm, được trả lương theo năng lực và thỏa thuận hợp đồng.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

- Hoàn thiện thủ tục nhận chuyển nhượng tòa nhà Hải An tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Hoàn thiện, đầu tư nâng cấp cầu cảng Hải An để tiếp nhận được tàu có trọng tải đến 25.800 DWT.
- Tháng 7/2020, đã tiến hành đưa 02 kho CFS với tổng diện tích 20.000 m² tại bãi Panhaian, KCN Nam Đình Vũ vào hoạt động chính thức.
- Cuối tháng 7/2020, đã đầu tư mua và tiếp nhận thành công tàu HAIAN VIEW, đóng năm 2009 tại Nhật, sức chở 1.577 TEU, trọng tải 21.440 DWT. Sau khi tiếp nhận, tàu này đã được đưa vào tuyến nội địa để khai thác.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị: 1.000.000 VND

TT	Chỉ tiêu	BCTC Công ty mẹ			BCTC Hợp nhất		
	<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1.235.104	1.360.955	+10,19	1.827.544	2.094.551	+14,61
2	Doanh thu thuần	547.797	563.734	+2,91	1.108.933	1.191.667	+7,46
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	128.338	126.334	-1,56	153.226	169.752	+10,79
4	Lợi nhuận khác	2.357	582	-75,31	2.877	408	-85,82
5	Lợi nhuận trước thuế	130.695	126.916	-2,89	156.103	170.159	+9,00
6	Lợi nhuận sau thuế	116.918	113.555	-2,88	132.738	146.598	+10,44
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	-	-	10%	-	-

- Các chỉ tiêu khác: Không có

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Các chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất		Ghi chú
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	2,83	2,72	2,33	2,17	
	TSLĐ/Nợ ngắn hạn					
	+ Hệ số thanh toán nhanh (lần)	2,72	2,61	2,14	2,03	
	<u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u>					
	Nợ ngắn hạn					
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	0,24	0,27	0,31	0,36	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	0,31	0,38	0,46	0,57	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
	+ Vòng quay hàng tồn kho (lần)	22	25	20	19	
	<u>Giá vốn hàng bán</u>					
	Hàng tồn kho bình quân					
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	0,47	0,43	0,64	0,61	

TT	Các chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất		Ghi chú
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>					
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	21,34	20,14	11,97	12,30	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	12,68	11,78	10,73	11,32	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	9,98	8,75	7,62	7,48	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	23,43	22,41	13,82	14,24	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2020)
5.1 Cổ phần

Số lượng cổ phiếu của Công ty không thay đổi và là 48.782.751 cổ phiếu.

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): Toàn bộ số cổ phiếu của Công ty (48.782.751 cổ phiếu) là cổ phiếu thường.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 47.392.798 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.389.953 cổ phiếu.

5.2 Cơ cấu cổ đông (tại ngày 04/12/2020)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
Cổ đông trong nước				
1	Tổ chức	13.798.381	28,29%	32
2	Cá nhân	26.671.785	54,67%	2.322
Cổ đông nước ngoài				
3	Tổ chức	6.113.122	12,53%	17
4	Cá nhân	809.510	1,66%	69
	Cổ phiếu quỹ	1.389.953	2,85%	-
	Tổng cộng	48.782.751	100%	2.440

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Thời gian : Từ ngày 03/4/2020 đến 03/05/2020
- Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi giao dịch : 573.053 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu mua lại : 816.900 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ sau khi giao dịch : 1.389.953 cổ phiếu
- Giá giao dịch trung bình : 9.761 đồng/cổ phiếu
- Phương thức giao dịch : khớp lệnh và thỏa thuận
- Nguồn vốn : thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
- Công ty chứng khoán được chỉ định làm đại lý thực hiện giao dịch mua lại cổ phiếu : Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo đánh giá của Ban giám đốc

1. Kinh doanh

1.1 Về hoạt động cảng biển

- Dù dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp nhưng theo báo cáo mới nhất của Cục Hàng hải Việt Nam, năm 2020, tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam đạt hơn 689 triệu tấn. Theo đó, lượng hàng container thông qua cảng đạt hơn 22 triệu Teus, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2019. Nhìn vào tín hiệu khởi sắc từ số liệu vĩ mô, sản lượng container thông qua cảng biển Việt Nam trong những tháng tới vẫn sẽ tiếp tục tăng lên. Bên cạnh đó, nhập khẩu khả quan hơn từ Trung Quốc trong thời gian tới dự kiến là động lực tăng trưởng cho các cảng tại khu vực Hải Phòng.
- Năm 2020, Cảng Hải An đã khai thác 277 chuyến tàu với tổng sản lượng thông qua đạt hơn 346.934 TEU (đạt hơn 110,14% kế hoạch).

1.2 Về hoạt động vận tải:

- Trước khi có dịch COVID-19, lĩnh vực vận tải biển đã hết sức khó khăn khi giá cước vận tải trên thế giới vẫn ở mức thấp. Cùng với đó, dịch COVID-19 xảy ra đã làm nghiêng ngả, điều đứng thêm cho ngành trong quý I, quý II/2020. Tuy vậy, vào cuối quý II, đã có những dấu hiệu tích cực trong việc phục hồi cùng với việc giá dầu LSFO duy trì ở mức 330-340 USD/MT và có xu hướng tăng trong những tháng cuối năm do nhu cầu về vận tải tăng. Giá thuê tàu đã phục hồi về mức trước dịch Covid-19 và có xu hướng tăng lên.
- Sản lượng vận tải năm 2020 đạt 348.862 TEU (120,30% kế hoạch), trong đó vận tải nội địa đạt: 295.210 TEU, vận tải quốc tế đạt: 53.652 TEU.
- Thực hiện lên đà cho tàu Haian Park vào tháng 2/2020 và tàu Haian Link vào tháng 6/2020 tại Quảng Châu, TQ.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty như sau.

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ (%)
1	Tổng sản lượng	TEU	745.000	779.465	104,63
	- Khai thác cảng	TEU	315.000	346.934	110,14
	- Khai thác tàu	TEU	290.000	348.862	120,30
	- Sản lượng Depot	TEU	140.000	83.669	59,76
2	Tổng Doanh thu	Triệu VNĐ	1.219.000	1.209.972	99,26
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	Triệu VNĐ	85.000	138.296	162,70

2. Xây dựng cơ bản và đầu tư

- Hoàn thiện thủ tục nhận chuyển nhượng tòa nhà Hải An tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Hoàn thiện, đầu tư nâng cấp cầu cảng Hải An để tiếp nhận được tàu có trọng tải đến 25.800 DWT.

- Tháng 7/2020, đã tiến hành đưa 02 kho CFS với tổng diện tích 20.000 m² tại bãi Panhaian, KCN Nam Đình Vũ vào hoạt động chính thức.
- Cuối tháng 7/2020, đã đầu tư mua và tiếp nhận thành công tàu HAIAN VIEW, đóng năm 2009 tại Nhật, sức chở 1.577 TEU, trọng tải 21.440 DWT. Sau khi tiếp nhận, tàu này đã được đưa vào tuyến nội địa để khai thác.

3. Công tác quản lý

- Mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến hết sức phức tạp, ngày 10/6/2020, với sự nỗ lực của HĐQT cũng như đội ngũ BLĐ, Công ty đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 để thông qua tất cả các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên HAIAN GROUP cũng đã tham gia vào nhiều công tác thiện nguyện trong năm như: ủng hộ cho chương trình "Nước cho vùng hạn mặn" tại huyện Mỹ Xuyên và thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng; hỗ trợ, ủng hộ cho đồng bào bão lụt tại các tỉnh miền Trung...

4. Tình hình tài chính
4.1 Tình hình tài sản

	Chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất	
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020
I	Tài sản ngắn hạn	412.931.797.328	410.423.927.746	664.754.010.138	694.951.524.534
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	180.212.617.667	135.041.246.938	243.326.890.100	221.024.298.549
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.500.000.000	22.500.000.000	51.981.363.014	79.993.231.056
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	187.881.915.147	216.124.055.060	267.343.034.818	307.576.580.013
4	Hàng tồn kho	16.595.123.515	16.093.858.712	53.198.489.706	45.700.049.216
5	Tài sản ngắn hạn khác	14.742.140.999	20.664.767.036	48.904.232.500	40.657.365.700
II	Tài sản dài hạn	822.171.924.255	822.171.924.255	1.162.790.192.860	1.399.599.754.011
1	Các khoản phải thu dài hạn	45.000.000.000	68.400.000.000	10.000.000	-
2	Tài sản cố định	503.557.362.186	619.337.262.671	854.670.089.064	1.098.459.058.012
3	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
4	Tài sản dở dang dài hạn	11.243.087.335	658.181.817	11.702.435.197	667.181.817
5	Đầu tư tài chính dài hạn	261.926.397.014	251.420.477.727	44.474.068.209	50.448.750.968
6	Tài sản dài hạn khác	445.077.720	10.714.710.487	251.933.600.390	250.024.763.214
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.235.103.721.583	1.360.954.560.448	1.827.544.202.998	2.094.551.278.545

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.
- Chương trình phần mềm: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.2 Tình hình nợ phải trả

	Chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất	
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020
I	Nợ ngắn hạn	295.306.230.413	151.129.030.382	285.902.315.289	320.362.315.214
1	Phải trả người bán ngắn hạn	26.473.362.894	15.746.782.530	99.823.206.611	85.352.356.262
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.820.000	-	638.338.680	1.037.014.948
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.053.292.233	5.364.035.919	12.145.971.653	16.649.110.525
4	Phải trả người lao động	5.384.825.584	6.358.613.873	17.203.459.004	19.511.984.916
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.324.700.399	786.004.969	5.859.543.849	10.549.642.232
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.956.766.916	1.933.281.383	1.956.766.916	1.933.281.383
9	Phải trả ngắn hạn khác	36.158.498.199	37.431.091.729	42.312.468.857	45.992.688.083
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	47.608.779.962	58.147.408.332	83.593.297.362	111.326.082.508
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	2.648.342.710	2.648.342.710
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19.720.919.647	25.361.811.647	19.720.919.647	25.361.811.647
13	Quỹ bình ổn giá	-	-	-	-

	Chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất	
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-
II	Nợ dài hạn	149.623.264.579	221.956.807.073	286.959.660.829	438.392.350.155
1	Phải trả dài hạn khác	35.000.000.000	105.000.000.000	50.000.000.000	90.000.000.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	114.623.264.579	116.956.807.073	236.959.660.829	348.392.350.155
	NỢ PHẢI TRẢ	295.306.230.413	373.085.837.455	572.861.976.118	758.754.665.369

Đối với các khoản nợ đến hạn, Công ty duy trì thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ vay. Đây cũng là một lợi thế của công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng với chi phí lãi vay ưu đãi nhất.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dự kiến nền kinh tế sẽ tiếp tục hồi phục nên Công ty sẽ tập trung đầu tư và phát triển đội tàu, ưu tiên các loại tàu chạy Nội Á, hợp tác với đối tác nước ngoài để mở các tuyến container khu vực, kết hợp cho thuê tàu, tập trung tìm và đầu tư cảng tại khu vực phía Nam để hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất của Công ty ở thị trường nội địa.

Căn cứ tình hình thị trường, trên cơ sở năng lực hiện có Công ty xây dựng kế hoạch năm 2021 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kế hoạch 2020
1	Tổng sản lượng	TEU	972.350
	- Khai thác cảng	TEU	370.600
	- Khai thác tàu	TEU	481.750
	- Sản lượng Depot	TEU	120.000
2	Tổng Doanh thu	Triệu VNĐ	1.661.112
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	Triệu VNĐ	157.861

Các giải pháp chủ yếu nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch như sau:

5.1 Về kinh doanh:

- Tiếp tục tập trung hỗ trợ cho các hãng tàu ngoại đang sử dụng Cảng nhằm giúp họ duy trì và phát triển tuyến, đặc biệt là hãng tàu SM Line.
- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai và hoàn thiện công tác thị trường (cho cả bốc xếp và vận tải).

5.2 Về quản lý:

- Tiếp tục ổn định công tác nhân sự trong toàn hệ thống, tiếp tục tuyển dụng nhân lực có trình độ cao, để có thể đáp ứng được nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Triển khai áp dụng hệ thống KPI cho tất cả các DNTV. Hoàn chỉnh phần mềm vận tải, phần mềm quản lý tàu. Tập trung tuyển dụng để xây dựng hệ thống IT mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển.
- Thành lập chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Container Hải An tại thành phố Đà Nẵng để hoàn thiện mạng lưới cho hãng tàu Haian Lines.

5.3 Về đầu tư:

- Tiếp tục hoàn thiện, phát triển các dự án tại khu vực Cái Mép: Bến phao, dự án xây dựng cảng, depot
- Đầu tư 01 Depot tại khu vực TP. HCM.
- Bán tàu Haian Song.
- Đầu tư mua 03 tàu container loại 1.000 - 1.700 TEU để đảm bảo tăng số chuyến tuyến nội địa lên 5 chuyến/tuần, duy trì các tuyến Hongkong và Singapore.
- Sửa chữa nâng cấp mặt bãi cảng Hải An và bổ sung trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng.

- Đầu tư thuê mua thêm 1.000 Teus vỏ loại 20' và 40'.

IV. Thông tin quản trị công ty

1. Hội đồng Quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ô. Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	812.502	1,67	
2	Ô. Vũ Thanh Hải	TVHĐQT, kiêm TGD	5.569.750	11,42	
3	Ô. Nguyễn Ngọc Tuấn	TVHĐQT kiêm PTGD	11.125	0,0228	
4	Ô. Trần Quang Tiến	TVHĐQT	3.942.500	8,08	
5	B. Trần Thị Hải Yến	TVHĐQT	3.375	0,007	
6	B. Nguyễn Thị Vân	TVHĐQT	4.500	0,009	

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Không có

1.3 Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	0201-2020/NQ-HĐQT	13/01/2020	- Phê duyệt ký kết các hợp đồng với bên liên quan
2	0203A-2020/NQ-HĐQT	23/3/2020	- Thông qua phương án mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ
3	0204-2020/NQ-HĐQT	28/4/2020	- Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020
4	0205-2020/NQ-HĐQT	26/5/2020	- Bổ nhiệm ông Trần Quang Tiến làm Phó tổng giám đốc
5	0206-2020/NQ-HĐQT	01/6/2020	- Phê duyệt ký kết các hợp đồng với bên liên quan
6	0606-2020/NQ-	30/6/2020	- Phê duyệt đầu tư mua tàu STELLAR

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
	HĐQT		WILLEMSTADT
7	0212-2020/NQ-HĐQT	03/12/2020	- Phê duyệt kế hoạch bán tàu Haian Song và phê duyệt chủ trương đầu tư mua 01 tàu container để thay thế tàu Haian Song. - Phê duyệt thiết kế dự toán và triển khai đầu tư bến phao tại khu vực Cái Mép
8	0412-2020/NQ-HĐQT	30/12/2020	- Phê duyệt việc ký kết các hợp đồng với các bên liên quan
9	0512-2020/NQ-HĐQT	30/12/2020	- Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

2. Ban Kiểm soát

- Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	B. Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	14.725	0,03	
4	B. Trần Thị Thơm	Kiểm soát viên	13.170	0,027	
5	Ô. Nguyễn Xuân Lộc	Kiểm soát viên	0	0	

- Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2020, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ xem xét chi tiết hoạt động quản trị và kinh doanh của công ty tại thời điểm. Đại diện Ban kiểm soát được HĐQT mời tham gia phiên họp làm việc về các định hướng phát triển của Công ty. Ban kiểm soát cũng thường xuyên duy trì việc trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động của công ty với Ban điều hành và HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát: (Giá trị trước thuế TNCN)

STT	Nội dung	Thù lao	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		
1	Vũ Ngọc Sơn	72.000.000	
2	Vũ Thanh Hải	72.000.000	
3	Trần Quang Tiến	72.000.000	
4	Nguyễn Ngọc Tuấn	72.000.000	
5	Nguyễn Thị Vân	72.000.000	
6	Trần Thị Hải Yến	72.000.000	
II	Ban Kiểm soát		
1	Nguyễn Thị Thanh Tú	36.000.000	
2	Trần Thị Thơm	36.000.000	
3	Nguyễn Xuân Lộc	36.000.000	

3.2 Giao dịch của cổ đông lớn/cổ đông nội bộ và người có liên quan

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	500	0,001	500.500	1,026	- Tăng đầu tư
2	Công ty cổ phần Cánh đồng xanh	Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT là chủ tịch HĐQT	2.000.000	4,1	2.442.000	5,006	- Tăng đầu tư
3	Bà Trần Thị Thơm	Kiểm soát viên	13.170	0,027	-	-	- Giảm đầu tư

3.3 Các hợp đồng và giao dịch với cổ đông nội bộ và người có liên quan:
a) Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	6.159.770.900	6.966.073.643
Cộng	6.159.770.900	6.159.770.900

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan:

Công ty phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan là công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	3.334.714.097	3.438.689.460
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	31.301.743.366	28.846.133.865
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	955.721.966	895.925.455
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An (HAGS)	10.541.717	241.482.819
Công ty cổ phần Logistics New Way	1.067.137.956	19.700.000

c) Giao dịch của các bên liên quan khác:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Trả cổ tức	5.567.500.000	8.351.250.000
Chi phí thuê văn phòng	3.134.491.169	3.160.146.289
HACT sử dụng dịch vụ tư vấn	1.724.840.000	2.683.290.000
Nhận vốn góp BCC	10.000.000.000	10.000.000.000
Chia lợi nhuận BCC	2.794.288.634	1.727.775.307
Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Hải An (HAGS)		
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	7.719.551.649	8.245.878.574

Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức

Trả cổ tức	1.722.060.000	2.583.090.000
Nhận vốn góp BCC	15.000.000.000	10.000.000.000
HACT chia lợi nhuận		3.900.000.000
Chia lợi nhuận BCC	1.696.908.285	863.887.655
HACT sử dụng dịch vụ đại lý	17.277.423.878	15.265.501.675
Nhận chia lãi	1.000.000.000	700.000.000

Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng

Sử dụng dịch vụ của công ty liên kết	31.020.000	43.636.708
--------------------------------------	------------	------------

Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh

Chi phí vận chuyển đường bộ	6.214.898.135	2.811.753.636
-----------------------------	---------------	---------------

Công Ty Cổ Phần Cánh Đồng Xanh

Trả cổ tức	2.000.000.000	3.000.000.000
PAN sử dụng dịch vụ	366.303.047	2.198.803.401

Công ty cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh

Trả cổ tức	1.000.000.000	1.500.000.000
------------	---------------	---------------

V. Báo cáo tài chính

Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán (Công ty Mẹ và Hợp nhất) có thể tham khảo trên địa chỉ Website: www.haiants.vn (Mục Quan hệ Cổ đông)

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thanh Hải

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HOÀN THÀNH NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 được cấp ngày 15 tháng 05 năm 2020 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 phố Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa ven biển và viễn dương;
 - Hoạt động cảng biển, bến tàu, cầu tàu;
 - Hoạt động hoa tiêu, lái dật, đưa tàu cập bến;
 - Hoạt động của trạm hải đăng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ;
 - Hoạt động các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết:
 - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ, đường biển;

- Giao nhận hàng hóa;
- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
- Hoạt động của các đại lý làm vận tải hàng hóa đường biển;
- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Vũ Thanh Hải	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Hải Yến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Vân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Quang Tiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 5 tháng 10 năm 2017
Ông Trần Quang Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 6 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Thanh Hải – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Ngày 23 tháng 02 năm 2021

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0065/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 02 năm 2021, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0368-2018-008-1



Trần Kim Anh – Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1907-2018-008-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		410.423.927.746	412.931.797.328
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	135.041.246.938	180.212.617.667
1. Tiền	111		61.961.836.909	83.579.897.890
2. Các khoản tương đương tiền	112		73.079.410.029	96.632.719.777
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		22.500.000.000	13.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	22.500.000.000	13.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		216.124.055.060	187.881.915.147
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	62.426.475.548	32.830.223.227
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.478.035.571	1.832.350.807
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	20.000.000.000	23.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	131.384.377.553	129.984.174.725
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(164.833.612)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		16.093.858.712	16.595.123.515
1. Hàng tồn kho	141	V.7	16.093.858.712	16.595.123.515
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.664.767.036	14.742.140.999
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.472.325.886	1.733.081.800
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.192.441.150	13.009.059.199
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		950.530.632.702	822.171.924.255
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		68.400.000.000	45.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	23.400.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	45.000.000.000	45.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		619.337.262.671	503.557.362.186
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	616.764.793.282	500.322.336.641
Nguyên giá	222		1.063.932.557.608	864.720.001.913
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(447.167.764.326)	(364.397.665.272)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.572.469.389	3.235.025.545
Nguyên giá	228		6.541.325.236	6.541.325.236
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.968.855.847)	(3.306.299.691)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		658.181.817	11.243.087.335
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	658.181.817	11.243.087.335
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	251.420.477.727	261.926.397.014
1. Đầu tư vào công ty con	251		270.622.700.000	270.622.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.494.000.000	1.494.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(20.697.088.773)	(10.191.169.486)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.714.710.487	445.077.720
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	10.714.710.487	445.077.720
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.360.954.560.448	1.235.103.721.583

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		373.085.837.455	295.306.230.413
I. Nợ ngắn hạn	310		151.129.030.382	145.682.965.834
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	15.746.782.530	26.473.362.894
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.820.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.364.035.919	7.053.292.233
4. Phải trả người lao động	314		6.358.613.873	5.384.825.584
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	786.004.969	1.324.700.399
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	1.933.281.383	1.956.766.916
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	37.431.091.729	36.158.498.199
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	58.147.408.332	47.608.779.962
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	25.361.811.647	19.720.919.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		221.956.807.073	149.623.264.579
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	105.000.000.000	35.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	116.956.807.073	114.623.264.579
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		987.868.722.993	939.797.491.170
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	987.868.722.993	939.797.491.170
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487.827.510.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487.827.510.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115.606.612.922	115.606.612.922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(22.905.485.178)	(14.920.919.678)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		235.778.070.809	206.901.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		171.562.014.440	144.383.217.117
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		58.007.419.117	144.383.217.117
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		113.554.595.323	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.360.954.560.448	1.235.103.721.583

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc





Trần Thị Thanh Hảo

Trần Thị Thanh Hảo

Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	563.733.537.505	547.797.651.070
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		563.733.537.505	547.797.651.070
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	414.339.961.984	411.098.176.317
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		149.393.575.521	136.699.474.753
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.945.360.035	28.670.678.201
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	19.467.760.754	13.668.598.892
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.316.082.387	8.496.413.429
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	22.537.111.857	23.363.385.491
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		126.334.062.945	128.338.168.571
11. Thu nhập khác	31	VI.6	844.870.316	2.822.491.588
12. Chi phí khác	32	VI.7	263.350.612	465.440.102
13. Lợi nhuận khác	40		581.519.704	2.357.051.486
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		126.915.582.649	130.695.220.057
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	13.360.987.326	13.776.908.432
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>113.554.595.323</u>	<u>116.918.311.625</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Hào



Trần Thị Thanh Hào



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	126.915.582.649	130.695.220.057
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	80.831.317.782	73.904.039.431
- Các khoản dự phòng	03 VI.4	10.505.919.287	5.064.252.397
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	366.660.290	5.755.269
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05 VI.3	(17.129.453.571)	(28.881.507.184)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	8.316.082.387	8.496.413.429
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	209.806.108.824	189.284.173.399
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(50.396.993.571)	(47.772.375.222)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	501.264.803	3.613.073.274
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	59.841.970.981	53.563.809.777
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(30.276.326.335)	(873.108.417)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.649.156.647)	(7.383.442.975)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.13	(13.781.304.030)	(7.609.956.481)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.18	(4.465.108.000)	(8.941.743.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	159.580.456.025	173.880.430.355
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(147.360.200.695)	(146.737.884.398)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.891.272.726
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(54.000.000.000)	(23.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(294.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.389.523.479	29.717.663.930
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(161.970.677.216)	(136.822.947.742)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(7.984.565.500)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	94.664.056.867	89.300.313.395
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(82.055.250.675)	(58.699.033.333)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(47.275.936.600)	(72.314.547.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(42.651.695.908)	(41.713.266.938)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(45.041.917.099)	(4.655.784.325)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	180.212.617.667	184.928.446.586
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(129.453.630)	(60.044.594)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	135.041.246.938	180.212.617.667

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Hảo

Trần Thị Thanh Hảo

Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại Tầng 14 tòa nhà Việt, số 1 phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,89%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 73 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 73 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	435.002.664	580.094.292
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.526.834.245	82.999.803.598
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	73.079.410.029	96.632.719.777
Cộng	135.041.246.938	180.212.617.667

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	270.622.700.000	(20.697.088.773)	270.622.700.000	(10.191.169.486)
Công ty TNHH Cảng Hải An ⁽ⁱ⁾	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	101.000.000.000	-	101.000.000.000	-
Công ty TNHH Pan Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	139.622.700.000	(20.697.088.773)	139.622.700.000	(10.191.169.486)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ^(iv)	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	866.500	-	866.500	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
Cộng	272.117.566.500	(20.697.088.773)	272.117.566.500	(10.191.169.486)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101126468 ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 30.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201815115 ngày 20 tháng 10 năm 2017, thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Pan Hải An 139.622.700.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.
- (iv) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC) 149.400 cổ phần, tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 149.400 cổ phần HAFC (chiếm 36,89% vốn điều lệ), không thay đổi so với đầu năm.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và Công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.191.169.486	5.126.917.089
Trích lập dự phòng bổ sung	10.505.919.287	5.064.252.397
Số cuối năm	20.697.088.773	10.191.169.486

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Cảng Hải An</i>		
Doanh thu khai thác cảng Công ty con thu hộ	239.665.666.017	211.398.750.046
Phí quản lý cảng phải trả cho Công ty con	40.825.960.446	37.090.633.194
Thuê văn phòng của Công ty mẹ	1.497.514.963	-
Phí cấp nước ngọt của Cảng Hải An	135.360.000	-
Phí quản lý tòa nhà của Cảng Hải An	574.000.000	-
Công ty con chia lợi nhuận	9.279.521.600	4.349.162.834
<i>Công ty TNHH Vận tải Container Hải An</i>		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	143.238.201.403	92.270.849.495
Thuê văn phòng của Công ty mẹ	568.067.715	-
Công ty con cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	21.884.649.205	16.632.793.500
Thu tiền góp vốn BCC của Công ty con	30.000.000.000	10.000.000.000
Công ty mẹ phân chia lãi BCC	599.527.942	-
Công ty con phân chia lãi BCC	9.876.423.114	7.774.998.895
Công ty con chia lợi nhuận	-	15.150.000.000
Chi hộ cho Công ty con	560.310.321	1.214.759.675
<i>Công ty TNHH Pan Hải An</i>		
Cho Công ty con vay	25.000.000.000	23.400.000.000
Thu tiền gốc cho vay từ Công ty con	25.000.000.000	-
Thu tiền lãi cho vay từ Công ty con	1.056.166.666	139.750.000
Công ty con cung cấp dịch vụ Cảng	4.433.233.931	4.294.757.217
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ cho Công ty con	91.424.000	981.864.652
<i>Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An</i>		
Chuyển tiền góp vốn cho Công ty liên kết	-	294.000.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	6.070.788.837	386.074.577
Thu tiền góp vốn theo hợp đồng BCC của Công ty liên kết	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty mẹ phân chia lãi BCC	300.438.610	-
Công ty liên kết chia lợi nhuận	747.000.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>57.012.207.834</i>	<i>25.827.834.366</i>
Công ty TNHH Cảng Hải An	20.392.337.400	10.813.645.524
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	33.802.424.987	14.138.000.731
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.366.908.818	404.388.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	755.165.007	39.139.998
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	693.072.622	432.660.113
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	2.299.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>5.414.267.714</i>	<i>7.002.388.861</i>
Các khách hàng khác	5.414.267.714	7.002.388.861
Cộng	<u>62.426.475.548</u>	<u>32.830.223.227</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn****4a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	23.400.000.000
Công ty TNHH Pan Hải An		23.400.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	20.000.000.000	-
Ông Lê Phong Hiếu ⁽ⁱ⁾	20.000.000.000	-
Cộng	20.000.000.000	23.400.000.000

- (i) Khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuê đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng từ ngày 12 tháng 5 năm 2020, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay này được gia hạn thanh toán chậm nhất vào ngày 26/2/2021.

4b. Phải thu về cho vay dài hạn

Là khoản cho Công ty TNHH Pan Hải An vay với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 24 tháng, thời gian ân hạn là 01 năm kể từ ngày liền sau ngày giải ngân lần đầu của khoản vay (ngày 19 tháng 11 năm 2019) và có thể gia hạn tối đa thêm 24 tháng. Số dư nợ gốc có thể hoàn trả một lần hoặc nhiều lần kể từ sau khi hết thời gian ân hạn là 01 năm kể từ ngày liền sau của ngày giải ngân đầu tiên của khoản vay.

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	17.585.109.947		10.941.652.613	
Công ty TNHH Cảng Hải An – Lợi nhuận phải thu	4.306.149.196		926.627.596	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Kết quả hoạt động BCC	13.131.905.366		9.876.423.114	
Các khoản chi hộ	147.055.385		138.601.903	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	113.799.267.606		119.042.522.112	
Lãi tiền gửi dự thu	73.380.822		712.972.330	
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án ⁽ⁱ⁾	112.423.676.376		92.763.292.500	
Đặt cọc để nhận chuyển nhượng Bất động sản ⁽ⁱⁱ⁾	-		22.000.000.000	
Ký cược, ký quỹ	406.518.076		2.065.986.820	
Tạm ứng	805.240.000		688.040.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	90.452.332		812.230.462	
Cộng	131.384.377.553		129.984.174.725	

- (i) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Theo hợp đồng đặt cọc ngày 24 tháng 12 năm 2019 và phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01 ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty và Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là "MHC"), Công ty đã đặt cọc cho MHC số tiền 22.000.000.000 VND để tiến tới việc thỏa thuận và ký kết Hợp đồng chuyển nhượng "Bất động sản" là Tòa nhà Hải An. Ngày 20 tháng 01 năm 2020, Công ty đã có Công văn số 1601-2020/CV-HATS về gia hạn thời gian thẩm định điều kiện chuyển nhượng Tòa nhà Hải An đến ngày 28 tháng 02 năm 2020 và được MHC chấp thuận. Tại ngày kết thúc năm tài chính, 2 bên đã hoàn thành xong việc bàn giao Tòa nhà.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản phải thu Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ("Bên kiểm soát") về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	45.000.000.000	56,25%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	6,25%
Cộng	80.000.000.000	100,00%

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh - phải thu Trên 3 năm cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia - phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)
Cộng		164.833.612	(164.833.612)		164.833.612	(164.833.612)

Trong năm không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.055.292.995		16.481.256.242	
Công cụ, dụng cụ	38.565.717		113.867.273	
Cộng	16.093.858.712		16.595.123.515	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí đầu nhòn	1.288.569.717	1.234.185.400
Chi phí bảo hiểm	848.221.457	349.024.404
Phí đường bộ	49.994.000	85.871.996
Chi phí thuê văn phòng	64.000.000	64.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	221.540.712	-
Cộng	<u>2.472.325.886</u>	<u>1.733.081.800</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	201.495.046	315.310.488
Bản quyền phần mềm	-	47.497.230
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	-	82.270.002
Chi phí lên đà tàu Hải An Link	10.513.215.441	-
Cộng	<u>10.714.710.487</u>	<u>445.077.720</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	199.026.384.869	273.325.832.155	370.670.476.353	775.938.182	20.921.370.354	864.720.001.913
Mua trong năm (*)	25.000.000.000	17.543.384.111	153.296.692.785	-	-	195.840.076.896
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.372.478.799	-	-	-	-	3.372.478.799
Số cuối năm	227.398.863.668	290.869.216.266	523.967.169.138	775.938.182	20.921.370.354	1.063.932.557.608
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	40.445.221.047	169.559.319.734	-	294.849.091	77.500.000	210.376.889.872
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	117.524.765.442	204.541.456.163	35.521.535.527	497.788.740	6.312.119.400	364.397.665.272
Khấu hao trong năm	11.236.275.197	30.385.478.399	38.887.710.394	157.706.309	2.102.928.755	82.770.099.054
Số cuối năm	128.761.040.639	234.926.934.562	74.409.245.921	655.495.049	8.415.048.155	447.167.764.326
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	81.501.619.427	68.784.375.992	335.148.940.826	278.149.442	14.609.250.954	500.322.336.641
Số cuối năm	98.637.823.029	55.942.281.704	449.557.923.217	120.443.133	12.506.322.199	616.764.793.282
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 468.647.138.667 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng.

- (*) Trong năm, Công ty đã mua tòa nhà văn phòng điều hành bãi Container Hải An – công trình xây dựng gắn liền với diện tích 4.369,8m2 đất thuê theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm tại địa chỉ phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Công ty đang làm các thủ tục chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Thời gian khấu hao của tài sản này đang được tạm xác định theo thời gian thuê đất còn lại là 13 năm. Thời gian khấu hao có thể thay đổi theo thời gian thuê đất thực tế còn lại, thể hiện trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp cho công ty sau này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Số cuối năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.250.218.013	1.056.081.678	3.306.299.691
Khấu hao trong năm	141.286.152	521.270.004	662.556.156
Số cuối năm	2.391.504.165	1.577.351.682	3.968.855.847
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.694.797.223	540.228.322	3.235.025.545
Số cuối năm	2.553.511.071	18.958.318	2.572.469.389
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	11.152.632.790	185.255.171.378	(195.840.076.896)	-	567.727.272
Xây dựng cơ bản dở dang	90.454.545	10.438.787.889	(3.372.478.799)	(7.066.309.090)	90.454.545
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	12.201.140.392	-	(12.201.140.392)	-
Cộng	11.243.087.335	207.895.099.659	(199.212.555.695)	(19.267.449.482)	658.181.817

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.429.630.855	2.327.490.612
Công ty TNHH Pan Hải An	491.725.239	1.138.791.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	882.497.808	1.132.654.027
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	55.407.808	56.045.585
Phải trả các nhà cung cấp khác	14.317.151.675	24.145.872.282
Triton Container International Ltd.,	2.292.823.903	2.385.083.104
ForkliftCenter Rental B.V	-	8.921.523.520
Công ty TNHH MTV Tâm cảng Hải Phòng	1.586.040.500	1.066.808.050
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đồng Đô	1.580.351.648	1.026.784.898
Các nhà cung cấp khác	8.857.935.624	10.745.672.710
Cộng	15.746.782.530	26.473.362.894

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	627.209.726	4.908.534.349	(4.867.291.638)	668.452.437
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	17.303.515.206	(17.303.515.206)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	757.957.258	(757.957.258)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.781.304.030	12.615.267.483	(13.781.304.030)	3.615.267.483
Thuế thu nhập cá nhân	1.644.778.477	3.743.464.112	(4.307.926.590)	1.080.315.999
Thuế nhà đất	-	5.549.214.678	(5.549.214.678)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.450.503.600	(2.450.503.600)	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	7.053.292.233	47.333.456.686	(49.022.713.000)	5.364.035.919

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	126.915.582.649	130.695.220.057
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	575.255.533	1.130.434.474
- Các khoản điều chỉnh tăng	575.255.533	1.130.434.474
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	127.490.838.182	131.825.654.531
Thu nhập được miễn thuế	(10.026.565.600)	(20.836.739.824)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	117.464.272.582	110.988.914.707
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi	67.545.781.265	56.480.858.307
- Hoạt động khai thác cảng không được ưu đãi	14.168.756.815	25.070.992.424
- Hoạt động khai thác tàu	35.749.734.502	29.437.063.976
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	23.492.854.516	22.197.782.941
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(6.754.578.127)	(5.648.085.831)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(3.377.289.063)	(2.824.042.915)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13.360.987.326	13.725.654.195
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		51.254.237
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	13.360.987.326	13.776.908.432
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(3.282.976.342)	(2.469.105.779)
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	2.537.256.499	524.755.614
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.615.267.483	11.832.558.267

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	786.004.969	1.057.731.649
Chi phí bảo hiểm thân tàu	-	106.779.250
Chi phí môi giới	-	160.189.500
Cộng	786.004.969	1.324.700.399

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**16a. Phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	10.419.025.998	2.494.406.589
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An - lãi hợp tác kinh doanh	3.378.543.902	599.527.942
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức - lãi hợp tác kinh doanh	2.659.374.929	674.748.381
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh	479.445.983	44.163.714
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - lãi hợp tác kinh doanh	2.419.651.934	599.527.942
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An - lãi hợp tác kinh doanh	1.212.009.250	300.438.610
Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	270.000.000	276.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	27.012.065.731	33.664.091.610
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	26.236.882.839	32.866.011.150
Kinh phí công đoàn	197.445.359	173.458.514
Cổ tức phải trả	535.811.400	418.950.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	41.926.133	205.671.946
Cộng	37.431.091.729	36.158.498.199

16b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 66/HĐHTKD (*)	35.000.000.000	35.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 68/HĐHTKD (*)	70.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	15.000.000.000	-
Cộng	105.000.000.000	35.000.000.000

(*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD ngày 08/5/2019 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD ngày 29/6/2020 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty là "Bên kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 66/HĐHTKD ngày 08/5/2019 như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	40.000.000.000	53,33%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	13,33%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	6,68%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	13,33%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	10.000.000.000	13,33%
Cộng	75.000.000.000	100%

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 68/HĐHTKD ngày 29/6/2020 như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	5%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	15.000.000.000	15%
Cộng	100.000.000.000	100%

17. Vay ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	8.889.932.577	7.861.226.074
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	-	7.861.226.074
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	8.889.932.577	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V18b)	49.257.475.755	39.747.553.888
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	2.488.869.890	4.035.629.063
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	36.705.445.865	35.711.924.825
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10.063.160.000	-
Cộng	58.147.408.332	47.608.779.962

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- ⁽ⁱ⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số 01.2019/VCB-HAIA ngày 20 tháng 12 năm 2019, hạn mức vay là 30.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay là 4 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/14287326/HĐTD ngày 30/09/2020 để tài trợ cho nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng, thời hạn vay 12 tháng, hạn mức cho vay 25.000.000.000 VNĐ. Lãi suất cho vay được xác định theo từng lần giải ngân.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	7.861.226.074	39.747.553.888	47.608.779.962
Số tiền vay phát sinh trong năm	39.057.315.651	-	39.057.315.651
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	53.254.563.394	53.254.563.394
Số tiền vay đã trả trong năm	(38.028.609.148)	(43.744.641.527)	(81.773.250.675)
Số cuối năm	8.889.932.577	49.257.475.755	58.147.408.332

17b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	81.735.757.073	112.130.102.609
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 ⁽ⁱⁱ⁾	-	2.493.161.970
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính ⁽ⁱⁱⁱ⁾	35.221.050.000	-
Cộng	116.956.807.073	114.623.264.579

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HDCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 2 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardel GMBH, 5 đầu kéo và 5 sơmi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty

- (iii) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 vay để mua sắm tàu container chở hàng đã qua sử dụng (IMO: 9470717) số tiền cho vay là 47.800.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025, tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	49.257.475.755	39.747.553.888
Trên 1 năm đến 5 năm	116.956.807.073	114.623.264.579
Trên 5 năm	-	-
Cộng	166.214.282.828	154.370.818.467

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	114.623.264.579	97.115.754.668
Số tiền vay phát sinh	55.606.741.216	60.500.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(282.000.000)	(3.184.210.526)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(53.254.563.394)	(39.747.553.888)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	263.364.672	(60.725.675)
Số cuối năm	116.956.807.073	114.623.264.579

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	15.126.475.213	5.775.000.000	(2.920.308.000)	17.981.167.213
Quỹ thưởng Ban điều hành công ty	4.594.444.434	4.331.000.000	(1.544.800.000)	7.380.644.434
Cộng	19.720.919.647	10.106.000.000	(4.465.108.000)	25.361.811.647

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	179.564.070.809	136.684.452.492	904.761.726.545
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	116.918.311.625	116.918.311.625
Trích lập các quỹ	-	-	-	27.337.000.000	(36.905.000.000)	(9.568.000.000)
Trả cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(72.314.547.000)	(72.314.547.000)
Số dư cuối năm trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	206.901.070.809	144.383.217.117	939.797.491.170
Số dư đầu năm nay	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	206.901.070.809	144.383.217.117	939.797.491.170
Mua cổ phiếu quỹ (*)	-	-	(7.984.565.500)	-	-	(7.984.565.500)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	113.554.595.323	113.554.595.323
Trích lập các quỹ	-	-	-	28.877.000.000	(38.983.000.000)	(10.106.000.000)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(47.392.798.000)	(47.392.798.000)
Số dư cuối năm nay	487.827.510.000	115.606.612.922	(22.905.485.178)	235.778.070.809	171.562.014.440	987.868.722.993

(*) Công ty mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0203A-2020/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 3 năm 2020. Việc mua lại đã được hoàn thành vào ngày 2 tháng 5 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của chủ sở hữu	487.827.510.000	487.827.510.000
Thặng dư vốn cổ phần	115.606.612.922	115.606.612.922
Cổ phiếu quỹ	(22.905.485.178)	(14.920.919.678)
Cộng	580.528.637.744	588.513.203.244

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.782.751	48.782.751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	48.782.751	48.782.751
- Cổ phiếu phổ thông	48.782.751	48.782.751
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.389.953	573.053
- Cổ phiếu phổ thông	1.389.953	573.053
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.392.798	48.209.698
- Cổ phiếu phổ thông	47.392.798	48.209.698

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 0206-2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
Chia cổ tức cho các cổ đông	: 47.392.798.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	: 28.877.000.000
Trích quỹ Ban điều hành	: 4.331.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 5.775.000.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.017.409,40	1.316.943,03
Euro (EUR)	40,54	40,54

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	272.452.397.643	245.518.184.155
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	211.635.549.643	220.777.554.047
Doanh thu hoạt động khai thác khác	79.645.590.219	81.501.912.868
Cộng	563.733.537.505	547.797.651.070

1b. Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác tàu, khai thác cảng và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	4.842.521.302	3.263.152.786
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	103.198.518	241.482.819
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	-	81.126.700
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại Hải Phòng	2.528.634.525	2.201.322.872
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	2.090.000	20.300.000
Chi nhánh Công ty TNHH "K"Line (Việt Nam) tại thành phố Hải Phòng	32.340.000	

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động cảng	182.844.091.226	168.347.958.849
Giá vốn của hoạt động tàu	167.928.603.582	182.018.479.952
Giá vốn hoạt động khác	63.567.267.176	60.731.737.516
Cộng	414.339.961.984	411.098.176.317

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.316.305.202	6.599.483.938
Lãi tiền cho vay	2.880.824.200	139.750.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.026.565.600	20.836.739.824
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.721.665.033	1.094.704.439
Cộng	18.945.360.035	28.670.678.201

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.316.082.387	8.496.413.429
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	10.505.919.287	5.064.252.397
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	255.034.342	102.177.797
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	390.724.738	5.755.269
Cộng	19.467.760.754	13.668.598.892

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.390.259.621	10.935.269.891
Chi phí vật liệu quản lý	335.857.992	460.664.301
Chi phí đồ dùng văn phòng	53.510.239	70.814.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.862.074.937	1.843.487.580
Thuế, phí và lệ phí	92.844.455	96.349.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.109.703.644	3.159.924.390
Các chi phí khác	5.692.860.969	6.796.875.784
Cộng	22.537.111.857	23.363.385.491

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.438.747.248
Tiền bồi thường	778.822.101	1.013.806.004
Xử lý công nợ	-	221.028.147
Thu nhập khác	66.048.215	148.910.189
Cộng	844.870.316	2.822.491.588

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	85.116.946
Phạt vi phạm hành chính	14.000.000	-
Ứng hộ chương trình "Nước cho vùng hạn mặn"	230.000.000	-
Xử lý công nợ	-	370.642.595
Chi phí khác	19.350.612	9.680.561
Cộng	263.350.612	465.440.102

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.485.129.222	87.437.702.038
Chi phí nhân công	39.038.969.073	35.982.060.420
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	80.831.317.782	73.904.039.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.112.166.077	179.400.057.324
Chi phí khác	56.409.491.687	54.697.582.993
Cộng	436.877.073.841	431.421.442.206

(*) Chi tiết chi phí khấu hao phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	83.432.655.210	70.191.087.543
Chi phí khấu hao hoạt động BCC phân chia cho các đơn vị	(9.759.588.521)	(2.892.992.099)
Chi phí khấu hao hoạt động BCC nhận phân bổ	7.158.251.093	6.605.943.987
Cộng	80.831.317.782	73.904.039.431

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền là 546.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 252.000.000 VND)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.644.248.923	2.580.761.544
Phụ cấp	438.000.000	598.000.000
Tiền thưởng	1.563.692.977	2.240.045.433
Cộng	4.645.941.900	5.418.806.977

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Logistics New Way	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An		
Sử dụng dịch vụ của HAGS	4.837.085.237	5.100.360.390
Chi phí thuê văn phòng	103.198.518	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Chi phí thuê văn phòng	2.476.011.799	2.586.074.378
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	612.839.699	-
Trả cổ tức	5.567.500.000	8.351.250.000
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	10.000.000.000	10.000.000.000
HATS phân chia lãi BCC	599.527.942	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức		
Trả cổ tức	1.722.060.000	2.583.090.000
Phải trả phí làm thủ tục hải quan	31.020.000	-
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	15.000.000.000	10.000.000.000
HATS phân chia lãi BCC	599.527.942	-
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh		
Trả cổ tức	2.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh		
Trả cổ tức	1.000.000.000	1.500.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12, V.16.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	272.452.397.643	211.635.549.643	79.645.590.219	563.733.537.505
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	272.452.397.643	211.635.549.643	79.645.590.219	563.733.537.505
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	89.608.306.417	43.706.946.061	16.078.323.043	149.393.575.521
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(22.537.111.857)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				126.856.463.664
Doanh thu hoạt động tài chính				18.945.360.035
Chi phí tài chính				(19.467.760.754)
Thu nhập khác				844.870.316
Chi phí khác				(263.350.612)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(13.360.987.326)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				113.554.595.323
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	14.700.956.766	171.795.993.956	25.019.930.365	211.516.881.087
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	44.733.780.676	39.501.237.560	1.232.329.599	85.467.347.835
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	245.518.184.155	220.777.554.047	81.501.912.868	547.797.651.070
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	245.518.184.155	220.777.554.047	81.501.912.868	547.797.651.070

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	77.170.225.306	38.759.074.095	20.770.175.352	136.699.474.753
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(23.363.385.491)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				113.336.089.262
Doanh thu hoạt động tài chính				28.670.678.201
Chi phí tài chính				(13.668.598.892)
Thu nhập khác				2.822.491.588
Chi phí khác				(465.440.102)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(13.776.908.432)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				116.918.311.625
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	12.630.951.307	134.016.478.546	46.363.636	146.693.793.489
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	41.821.569.785	24.355.143.884	4.247.923.302	70.424.636.971
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	286.582.195.687	549.555.612.226	52.349.991.900	888.487.799.813
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				472.466.760.635
Tổng tài sản				1.360.954.560.448
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	15.063.369.736	276.110.073.417	40.700.881.176	331.874.324.329
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				41.211.513.126
Tổng nợ phải trả				373.085.837.455
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	534.735.843.950	421.277.313.579	44.596.048.312	1.000.609.205.841
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				234.494.515.742
Tổng tài sản				1.235.103.721.583
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	19.847.596.868	191.171.822.160	51.295.824.997	262.315.244.025
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				32.990.986.388
Tổng nợ phải trả				295.306.230.413

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Trưởng phòng TCKT



Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải



**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

HEAD OFFICE

02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879
Fax: 024. 3 736 7869
kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban
Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 2 465 151
Fax: 0258. 2 465 806
kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho

15-13 Vo Nguyen Giap St.,
Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995
Fax: 0292. 3 764 996
kttv.ct@a-c.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI
VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 47

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 được cấp ngày 15 tháng 05 năm 2020 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 đường Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa ven biển và viễn dương;
 - Hoạt động cảng biển, bến tàu, cầu tàu;
 - Hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu cập bến;
 - Hoạt động của trạm hải đăng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ;
 - Hoạt động các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết:
 - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ, đường biển;

- Giao nhận hàng hóa;
- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
- Hoạt động của các đại lý làm vận tải hàng hóa đường biển;
- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Vũ Thanh Hải	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Hải Yến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Vân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Quang Tiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 5 tháng 10 năm 2017
Ông Trần Quang Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 6 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Thanh Hải – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Ngày 23 tháng 02 năm 2021

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0066/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 23 tháng 02 năm 2021, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0368-2018-008-1



Trần Kim Anh – Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 1907-2018-008-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		694.951.524.534	664.754.010.138
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	221.024.298.549	243.326.890.100
1. Tiền	111		120.844.888.520	118.294.170.323
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.179.410.029	125.032.719.777
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		79.993.231.056	51.981.363.014
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	79.993.231.056	51.981.363.014
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		307.576.580.013	267.343.034.818
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	147.333.799.623	117.897.225.787
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.218.431.965	27.299.869.009
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	20.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	133.449.815.135	123.210.836.378
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1.425.466.710)	(1.064.896.356)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		45.700.049.216	53.198.489.706
1. Hàng tồn kho	141	V.8	45.700.049.216	53.198.489.706
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.657.365.700	48.904.232.500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	5.561.801.928	4.223.426.408
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35.095.563.772	44.680.806.092
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.399.599.754.011	1.162.790.192.860
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	10.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	-	10.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.098.459.058.012	854.670.089.064
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.075.082.450.678	850.300.321.404
<i>Nguyên giá</i>	222		1.784.984.241.833	1.419.105.679.781
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(709.901.791.155)	(568.805.358.377)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	20.759.018.477	-
<i>Nguyên giá</i>	225		25.419.206.295	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(4.660.187.818)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	2.617.588.857	4.369.767.660
<i>Nguyên giá</i>	228		11.754.927.885	11.754.927.885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.137.339.028)	(7.385.160.225)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		667.181.817	11.702.435.197
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	667.181.817	11.702.435.197
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		50.448.750.968	44.474.068.209
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	39.997.884.468	34.023.201.709
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	10.450.866.500	10.450.866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		250.024.763.214	251.933.600.390
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	250.024.763.214	251.933.600.390
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.094.551.278.545	1.827.544.202.998

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		758.754.665.369	572.861.976.118
I. Nợ ngắn hạn	310		320.362.315.214	285.902.315.289
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	85.352.356.262	99.823.206.611
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.037.014.948	638.338.680
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	16.649.110.525	12.145.971.653
4. Phải trả người lao động	314		19.511.984.916	17.203.459.004
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	10.549.642.232	5.859.543.849
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.933.281.383	1.956.766.916
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	45.992.688.083	42.312.468.857
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	111.326.082.508	83.593.297.362
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	2.648.342.710	2.648.342.710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	25.361.811.647	19.720.919.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		438.392.350.155	286.959.660.829
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	90.000.000.000	50.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	348.392.350.155	236.959.660.829
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.335.796.613.176	1.254.682.226.880
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1.335.796.613.176	1.254.682.226.880
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487.827.510.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487.827.510.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115.606.612.922	115.606.612.922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(22.905.485.178)	(14.920.919.678)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		235.778.070.809	206.901.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		252.444.167.284	200.523.678.148
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		114.147.880.148	200.523.678.148
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		138.296.287.136	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		267.045.737.339	258.744.274.679
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.094.551.278.545	1.827.544.202.998

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Trưởng phòng TCKT



Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.191.667.202.379	1.108.933.049.361
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.191.667.202.379	1.108.933.049.361
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	952.285.475.767	889.647.403.512
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		239.381.726.612	219.285.645.849
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.098.768.769	15.447.852.651
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.817.310.141	17.355.030.825
Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.451.710.381	17.035.078.178
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		5.974.682.759	3.056.485.639
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	67.886.331.138	67.209.162.972
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		169.751.536.861	153.225.790.342
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.228.908.883	3.601.203.070
13. Chi phí khác	32	VI.7	820.951.042	724.380.661
14. Lợi nhuận khác	40		407.957.841	2.876.822.409
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		170.159.494.702	156.102.612.751
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	23.561.744.906	23.364.083.090
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		146.597.749.796	132.738.529.661
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		138.296.287.136	121.378.387.528
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		8.301.462.660	11.360.142.133
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2.734	2.348
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	2.734	2.348

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Hảo



Trần Thị Thanh Hảo



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		170.159.494.702	156.102.612.751
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.9	137.201.480.785	116.852.289.217
- Các khoản dự phòng	03	VI.5	360.570.354	358.973.532
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		129.401.374	19.136.700
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.728.640.343)	(14.691.764.984)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	23.451.710.381	17.035.078.178
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		318.574.017.253	275.676.325.394
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.725.554.032)	(24.335.946.689)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.498.440.490	(18.218.535.872)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		40.220.970.862	46.339.678.234
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(30.728.425.678)	(43.528.718.235)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(21.979.186.606)	(16.702.690.751)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(23.501.449.118)	(26.127.401.167)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(4.465.108.000)	(8.941.743.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		276.893.705.171	184.160.967.914
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(348.963.627.633)	(197.767.023.014)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	3.891.272.726
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(77.493.231.056)	(38.481.363.014)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		29.481.363.014	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(294.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.803.100.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.528.122.595	11.343.108.119
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(383.447.373.080)	(219.504.905.183)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.19	(7.984.565.500)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	295.710.051.942	185.287.410.295
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(155.947.180.643)	(106.346.905.689)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(47.275.936.600)	(72.314.547.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		84.502.369.199	6.625.957.606
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(22.051.298.710)	(28.717.979.663)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	243.326.890.100	272.125.233.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(251.292.841)	(80.363.912)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	221.024.298.549	243.326.890.100

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Trưởng phòng TCKT



Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tài cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải ven biển và viễn dương	50,5%	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Depot	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (*)	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	50%	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Tầng 14 tòa nhà Việt, số 1 phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	36,89%	36,89%	36,89%	36,89%

(*) Là Công ty liên kết của Công ty con – Công ty TNHH Cảng Hải An

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính có 407 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 341 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản cố định, tiền thuê đất trả trước và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty TNHH Pan Hải An đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (498 tháng).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-8
Tài sản cố định khác	4-10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính là container là 05 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chỉ trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.067.339.993	2.958.232.290
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	117.777.548.527	115.335.938.033
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	100.179.410.029	125.032.719.777
Cộng	221.024.298.549	243.326.890.100

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ⁽ⁱ⁾	1.494.000.000	8.308.015.084	9.802.015.084	1.494.000.000	3.914.485.748	5.408.485.748
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	12.500.000.000	17.695.869.384	30.195.869.384	12.500.000.000	16.114.715.961	28.614.715.961
Cộng	13.994.000.000	26.003.884.468	39.997.884.468	13.994.000.000	20.029.201.709	34.023.201.709

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108111428 thay đổi lần thứ 2 ngày 20/11/2019, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An là 4.050.000.000 VND, tương ứng 4.050.000 cổ phần. Công ty sở hữu 149.400 cổ phần của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An, chiếm 36,89% vốn điều lệ của công ty này.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201244461 thay đổi lần thứ hai ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An là 25.000.000.000 VND, Công ty TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An 12.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.408.485.748	5.140.529.336	(747.000.000)	9.802.015.084
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	28.614.715.961	3.456.153.423	(1.875.000.000)	30.195.869.384
Cộng	34.023.201.709	8.596.682.759	(2.622.000.000)	39.997.884.468

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		
Chuyển tiền góp vốn cho Công ty liên kết	-	294.000.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	117.027.363.513	81.456.610.663
Thuê văn phòng của Tập đoàn	56.716.484	-
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ cho Tập đoàn	19.022.482.474	4.042.473.827
Thu tiền góp vốn theo hợp đồng BCC của Công ty liên kết	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty chia lãi hợp đồng BCC	300.438.610	-
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	28.028.317.850	18.765.693.145
Sử dụng dịch vụ đại lý của Công ty liên kết	4.775.917.144	4.589.157.893
Nhận vốn của Công ty liên kết theo hợp đồng BCC	10.000.000.000	-
Trả vốn góp BCC cho Công ty liên kết	-	1.803.100.000
Trả lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	2.194.760.692	2.175.000.000

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức (*)	10.000.000.000		10.000.000.000	
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	450.000.000		450.000.000	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000		864.000	
Công ty Cổ phần MHC	2.500		2.500	
Cộng	10.450.866.500		10.450.866.500	

- (*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105430472 thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 05 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức số tiền 10.000.000.000 VND, tương ứng 16,67% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>39.212.027.871</i>	<i>30.415.636.726</i>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	26.185.367.298	18.264.644.398
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	6.019.934.148	4.193.957.248
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	10.665.289	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	647.396.950	661.078.545
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	5.907.495.186	7.290.556.535
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	60.214.000	5.400.000
Công ty Cổ phần Logistics New Way	380.955.000	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>108.121.771.752</i>	<i>87.481.589.061</i>
Ocean Network Express Pte. Ltd.,	6.509.709.713	13.302.195.064
Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam	10.571.026.460	12.647.063.334
Các khách hàng khác	91.041.035.579	61.532.330.663
Cộng	<u>147.333.799.623</u>	<u>117.897.225.787</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	-	21.494.850.000
Wartsila Water Systems Limited	-	3.483.732.014
Alfa Laval Singapore Pte Ltd	2.698.889.490	
Kocks Ardel Kranbau GMBH	1.677.109.838	-
Hongda Ocean Shipping Supply Co., Ltd	939.931.217	
Các nhà cung cấp khác	2.902.501.420	2.321.286.995
Cộng	<u>8.218.431.965</u>	<u>27.299.869.009</u>

5. Phải thu về cho vay

Là khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuê đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng từ ngày 12 tháng 5 năm 2020, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay này được gia hạn thanh toán chậm nhất vào ngày 26/2/2021.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>147.055.385</i>		<i>138.601.903</i>	
Các khoản chi hộ	147.055.385		138.601.903	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>133.302.759.750</i>		<i>123.072.234.475</i>	
Lãi tiền gửi dự thu	711.073.920		1.510.556.172	
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (*)	112.423.676.376		92.763.292.500	
Đặt cọc để nhận chuyển Bất động sản	-		22.000.000.000	
Ký cược, ký quỹ	653.518.076		2.114.986.820	
Tạm ứng	920.330.120		801.180.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm tính cước vận chuyển đường biển	18.012.838.126		2.775.540.020	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	581.323.132		1.106.678.963	
Cộng	133.449.815.135		123.210.836.378	

- (i) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019.
- (ii) Theo hợp đồng đặt cọc ngày 24 tháng 12 năm 2019 và phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01 ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty và Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là “MHC”), Công ty đã đặt cọc cho MHC số tiền 22.000.000.000 VND để tiến tới việc thỏa thuận và ký kết Hợp đồng chuyển nhượng “Bất động sản” là Tòa nhà Hải An. Ngày 20 tháng 01 năm 2020, Công ty đã có Công văn số 1601-2020/CV-HATS về gia hạn thời gian thẩm định điều kiện chuyển nhượng Tòa nhà Hải An đến ngày 28 tháng 02 năm 2020 và được MHC chấp thuận. Tại ngày kết thúc năm tài chính, 2 bên đã hoàn thành xong việc bàn giao Tòa nhà.

6b. Phải thu dài hạn khác

Là tiền ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)
Navigator Marine Corp	Từ 1 năm đến 2 năm	1.800.904.425	(1.260.633.098)	Từ 1 năm đến 2 năm	1.800.125.488	(900.062.744)
Cộng		1.965.738.037	(1.425.466.710)		1.964.959.100	(1.064.896.356)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.064.896.356	705.922.824
Trích lập dự phòng bổ sung	360.570.354	358.973.532
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	1.425.466.710	1.064.896.356

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	45.661.483.499		53.084.622.433	
Công cụ, dụng cụ	38.565.717		113.867.273	
Cộng	45.700.049.216		53.198.489.706	

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đầu nhòn	2.171.401.717	2.200.822.080
Chi phí bảo hiểm	2.117.784.222	1.729.027.263
Công cụ dụng cụ	265.151.265	103.758.407
Chi phí thuê văn phòng	64.000.000	64.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	943.464.724	125.818.658
Cộng	5.561.801.928	4.223.426.408

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lên đà tàu Hải An Park	9.200.511.300	536.562.224
Chi phí lên đà tàu Hải An Song	4.265.759.662	9.384.671.266
Chi phí lên đà tàu Hải An Time	573.718.591	7.458.341.659
Chi phí lên đà tàu Hải An Bell	3.387.910.883	9.195.758.111
Chi phí lên đà tàu Hải An Link	10.513.215.441	
Công cụ dụng cụ	4.388.324.622	2.124.443.594
Tiền thuê đất (*)	217.347.219.672	223.017.147.144
Chi phí trả trước dài hạn khác	348.103.043	216.676.392
Cộng	250.024.763.214	251.933.600.390

- (*) Công ty TNHH Pan Hải An thuê đất diện tích 154.000 m² trong Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ (nay đổi tên thành “Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ”) theo hợp đồng số 05.HĐTĐ/2017 ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 để đầu tư xây dựng và kinh doanh kho bãi container cùng các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đầu tư, tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 235.301.990.000 VND, thời hạn thuê từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06 tháng 5 năm 2059.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	279.639.209.149	296.669.497.863	800.123.643.344	3.319.955.207	39.353.374.218	1.419.105.679.781
Mua trong năm (*)	25.000.000.000	22.543.384.111	165.885.937.623	1.379.523.055	-	214.808.844.789
Đầu tư XDCB hoàn thành	151.069.717.263	-	-	-	-	151.069.717.263
Số cuối năm	455.708.926.412	319.212.881.974	966.009.580.967	4.699.478.262	39.353.374.218	1.784.984.241.833
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	40.566.443.043	176.404.309.938	1.902.238.273	1.851.446.798	141.136.364	220.865.574.416
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	123.979.328.592	212.601.225.226	221.748.943.711	2.058.710.854	8.417.149.994	568.805.358.377
Khấu hao trong năm	20.677.700.141	32.288.137.982	83.706.567.355	432.975.657	3.991.051.643	141.096.432.778
Số cuối năm	144.657.028.733	244.889.363.208	305.455.511.066	2.491.686.511	12.408.201.637	709.901.791.155
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	155.659.880.557	84.068.272.637	578.374.699.633	1.261.244.353	30.936.224.224	850.300.321.404
Số cuối năm	311.051.897.679	74.323.518.766	660.554.069.901	2.207.791.751	26.945.172.581	1.075.082.450.678
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 632.410.252.545 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

(*) Trong năm, Công ty đã mua tòa nhà văn phòng điều hành bãi Container Hải An – công trình xây dựng gắn liền với diện tích 4.369,8m² đất thuê theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm tại địa chỉ phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Công ty đang làm các thủ tục chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Thời gian khấu hao của tài sản này đang được tạm xác định theo thời gian thuê đất còn lại là 13 năm. Thời gian khấu hao có thể thay đổi theo thời gian thuê đất thực tế còn lại, thể hiện trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp cho công ty sau này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là lô 300 container 40HC được Công ty TNHH Vận tải Container Hải An thuê của Công ty Beacon Intermodal Leasing LLC (xem thuyết minh số V.19).

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Thuê tài chính trong năm	25.419.206.295	-	25.419.206.295
Khấu hao trong năm	-	(4.660.187.818)	(4.660.187.818)
Số cuối năm	25.419.206.295	(4.660.187.818)	20.759.018.477

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	6.809.912.649	11.754.927.885
Số cuối năm	4.945.015.236	6.809.912.649	11.754.927.885

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	2.250.218.013	5.134.942.212	7.385.160.225
Khấu hao trong năm	1.230.908.799	521.270.004	1.752.178.803
Số cuối năm	3.481.126.812	5.656.212.216	9.137.339.028

Giá trị còn lại

Số đầu năm	2.694.797.223	1.674.970.437	4.369.767.660
Số cuối năm	1.463.888.424	1.153.700.433	2.617.588.857

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	11.152.632.790	204.223.939.271	(214.808.844.789)	-	567.727.272
Xây dựng cơ bản dở dang	435.454.545	157.791.026.353	(151.069.717.263)	(7.066.309.090)	90.454.545
Sửa chữa lớn tài sản cố định	114.347.862	24.127.230.382	-	(24.232.578.244)	9.000.000
Cộng	11.702.435.197	386.142.196.006	(365.878.562.052)	(31.298.887.334)	667.181.817

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>15.852.617.924</i>	<i>15.340.925.199</i>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	9.170.954.744	1.281.250.193
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.254.688	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	1.050.282.593	1.604.994.027
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	63.365.729	423.691.560
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	3.810.048.172	2.916.537.266
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức	1.756.712.000	99.660.000
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1	-	8.571.196.122
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	-	443.596.031
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>69.499.738.338</i>	<i>84.482.281.412</i>
ForkliftCenter Rental B.V	-	8.921.523.520
BMS United Bunkers (Asia) Limited	7.969.273.754	13.569.819.367
PT Indofuels Limited	7.447.818.889	10.870.726.364
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	7.603.208.950	
Các nhà cung cấp khác	46.479.436.745	51.120.212.161
Cộng	<u>85.352.356.262</u>	<u>99.823.206.611</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.006.520.044	45.572.453.172	(43.944.030.948)	4.634.942.268
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	17.303.515.206	(17.303.515.206)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	757.957.258	(757.957.258)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.782.888.987	27.078.241.175	(23.501.449.118)	10.359.681.044
Thuế thu nhập cá nhân	2.356.562.622	4.516.257.309	(5.218.332.718)	1.654.487.213
Tiền thuê đất	-	5.549.214.678	(5.549.214.678)	-
Thuế môn bài	-	2.450.503.600	(2.450.503.600)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	15.000.000	(15.000.000)	-
Cộng	<u>12.145.971.653</u>	<u>103.243.142.398</u>	<u>(98.740.003.526)</u>	<u>16.649.110.525</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài, cước cho thuê tàu	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6388338018 ngày 09 tháng 10 năm 2017 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Pan Hải An nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động dịch vụ kho bãi và lưu giữ, bốc xếp hàng hóa với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư mới có doanh thu (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án đầu tư mới, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế tính từ năm thứ tư (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	23.561.744.906	23.364.083.090
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	3.516.496.269	1.746.599.059
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	27.078.241.175	25.110.682.149

(*) Công ty TNHH Cảng Hải An được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	2.861.778.538	1.389.254.763
Chi phí bảo hiểm thân tàu	-	106.779.250
Chi phí môi giới	563.948.210	160.189.500
Tạm tính chi phí khai thác tàu	7.022.024.945	3.900.654.995
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	101.890.539	302.665.341
Cộng	10.549.642.232	5.859.543.849

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	14.335.985.078	7.381.780.374
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức - lãi hợp tác kinh doanh	4.118.475.525	1.772.128.724
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh	3.397.647.176	2.238.924.406
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - lãi hợp tác kinh doanh	5.337.853.127	2.794.288.634
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An - lãi hợp tác kinh doanh	1.212.009.250	300.438.610
Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	270.000.000	276.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	31.656.703.005	34.930.688.483
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	26.236.882.839	32.866.011.150
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.294.000.000	780.000.000
Kinh phí công đoàn	354.856.428	462.357.036
Cổ tức phải trả	535.811.400	418.950.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	235.152.338	403.370.297
Cộng	45.992.688.083	42.312.468.857

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 48/HĐHTKD^(*)	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 66/HĐHTKD^(*)	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	10.000.000.000	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 68/HĐHTKD^(*)	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	15.000.000.000	-
Cộng	90.000.000.000	50.000.000.000

- (*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48-HĐHTKD ngày 18/4/2017, Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD ngày 08/5/2019 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD ngày 29/6/2020 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty là "Bên kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 48-HĐHTKD ngày 18/4/2017 như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	45.000.000.000	56,25%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	6,25%
Cộng	80.000.000.000	100,00%

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 66/HĐHTKD ngày 08/5/2019 như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	40.000.000.000	53,33%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	13,33%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	6,68%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	13,33%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	10.000.000.000	13,33%
Cộng	75.000.000.000	100%

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 68/HĐHTKD ngày 29/6/2020 như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	5%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	15.000.000.000	15%
Cộng	100.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	22.089.932.577	7.861.226.074
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	13.200.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	8.889.932.577	7.861.226.074
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	81.202.169.555	75.732.071.288
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	4.679.405.690	6.229.942.463
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	66.459.603.865	69.502.128.825
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10.063.160.000	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.033.980.376	-
Beacon Intermodal Leasing LLC	8.033.980.376	
Cộng	111.326.082.508	83.593.297.362

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số 01.2019/VCB-HAIAN ngày 20 tháng 12 năm 2019, hạn mức vay là 30.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay là 4 tháng.
- (ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/14287326/HĐTD ngày 30/09/2020 để tài trợ cho nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng, thời hạn vay 12 tháng, hạn mức cho vay 25.000.000.000 VND. Lãi suất cho vay được xác định theo từng lần giải ngân.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	7.861.226.074	75.732.071.288	-	83.593.297.362
Số tiền vay phát sinh trong năm	62.257.315.651	25.000.000.000	-	87.257.315.651
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	83.872.350.595	10.156.552.050	94.028.902.645
Số tiền vay đã trả trong năm	(48.028.609.148)	(103.402.252.328)	(2.122.571.674)	(153.553.433.150)
Số cuối năm	22.089.932.577	81.202.169.555	8.033.980.376	111.326.082.508

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay bên liên quan	46.430.000.000	-
Pantos Holding Incorporation ⁽ⁱ⁾	46.430.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	288.811.443.403	236.959.660.829
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	249.756.955.753	228.432.137.009
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	3.833.437.650	8.527.523.820
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính ^(iv)	35.221.050.000	-
Nợ thuê tài chính	13.150.906.752	-
Công ty Beacon Intermodal Leasing LLC ^(v)	13.150.906.752	-
Cộng	348.392.350.155	236.959.660.829

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Pantos Holding Incorporation theo Hợp đồng vay số 01/HĐVV/PANTOS-PANHAIAN ngày 06/03/2020 với số tiền 2.000.000 USD; để bổ sung vốn thực hiện giai đoạn II của Dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An với lãi suất cố định 5%/năm. Thời hạn khoản vay là 05 năm kể từ ngày đầu tiên nhận khoản vay (ngày 26/3/2020), có thể trả nợ gốc 1 lần hoặc nhiều lần. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của Ngày Giải ngân Vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 02 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardel GMBH, 5 đầu kéo và 5 sômi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.
 - Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư tàu container HaiAn Time số 2015/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 22/9/2015 với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay đến ngày 22/09/2020. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư.
 - Hợp đồng vay số 01/2018/VCB-PANHAIAN ngày 12/09/2018 để thực hiện Dự án Logistics Pantos- Hải An số tiền vay tối đa là 300 tỷ đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải).
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty
- Hợp đồng vay để đầu tư 01 tàu biển Container với lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(iv) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 vay để mua sắm tàu container chở hàng đã qua sử dụng (IMO: 9470717) số tiền cho vay là 47.800.000.000 VND, thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025, tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.

(iv) Thuê tài chính Công ty Beacon Intermodal Leasing LLC theo hợp đồng Lease Schedule No. HCT-002 ngày 01/11/2019 để thực hiện Dự án Thuê mua Tài chính TSCĐ hữu hình lô 300 container 40HC (với tổng giá trị thuê 05 năm từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 là 1.090.719 USD tương đương 25.419.206.295 VND). Thời hạn thuê 60 tháng kể từ 01/02/2020. Kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại toàn bộ lô 300 container 40HC của bên cho thuê với giá 1USD/cont.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	81.202.169.555	75.732.071.288
Trên 1 năm đến 5 năm	281.435.979.975	169.325.079.429
Trên 5 năm	66.956.370.180	67.634.581.400
Cộng	429.594.519.710	312.691.732.117

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	236.959.660.829	164.633.001.418
Số tiền vay phát sinh	208.452.736.291	156.487.096.900
Số tiền vay đã trả	(2.393.747.493)	(8.341.210.526)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(94.028.902.645)	(75.732.071.288)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	(597.396.827)	(87.155.675)
Số cuối năm	348.392.350.155	236.959.660.829

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	15.126.475.213	5.775.000.000	(2.920.308.000)	17.981.167.213
Quỹ thưởng Ban điều hành	4.594.444.434	4.331.000.000	(1.544.800.000)	7.380.644.434
Cộng	19.720.919.647	10.106.000.000	(4.465.108.000)	25.361.811.647

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	179.564.070.809	188.364.837.620	262.234.132.546	1.218.676.244.219
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	121.378.387.528	11.360.142.133	132.738.529.661
Trích lập các quỹ	-	-	-	27.337.000.000	(36.905.000.000)	-	(9.568.000.000)
Trả cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(72.314.547.000)	(14.850.000.000)	(87.164.547.000)
Số dư cuối năm trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	206.901.070.809	200.523.678.148	258.744.274.679	1.254.682.226.880
Số dư đầu năm nay	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	206.901.070.809	200.523.678.148	258.744.274.679	1.254.682.226.880
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(7.984.565.500)	-	-	-	(7.984.565.500)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	138.296.287.136	8.301.462.660	146.597.749.796
Trích lập các quỹ	-	-	-	28.877.000.000	(38.983.000.000)	-	(10.106.000.000)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(47.392.798.000)	-	(47.392.798.000)
Số dư cuối năm nay	487.827.510.000	115.606.612.922	(22.905.485.178)	235.778.070.809	252.444.167.284	267.045.737.339	1.335.796.613.176

(*) Công ty mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0203A-2020/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 3 năm 2020. Việc mua lại đã được hoàn thành vào ngày 2 tháng 5 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của chủ sở hữu	487.827.510.000	487.827.510.000
Thặng dư vốn cổ phần	115.606.612.922	115.606.612.922
Cổ phiếu quỹ	(22.905.485.178)	(14.920.919.678)
Cộng	580.528.637.744	588.513.203.244

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.782.751	48.782.751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	48.782.751	48.782.751
- Cổ phiếu phổ thông	48.782.751	48.782.751
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.389.953	573.053
- Cổ phiếu phổ thông	1.389.953	573.053
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.392.798	48.209.698
- Cổ phiếu phổ thông	47.392.798	48.209.698

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 0206-2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
Chia cổ tức cho các cổ đông	: 47.392.798.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	: 28.877.000.000
Trích quỹ Ban điều hành	: 4.331.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 5.775.000.000

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	2.081.040,47	1.844.541,81
Euro (EUR)	5.628,46	301,83

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	172.505.653.086	167.863.270.629
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	944.730.004.637	880.237.417.463
Doanh thu hoạt động khai thác khác	74.431.544.656	60.832.361.269
Cộng	1.191.667.202.379	1.108.933.049.361

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác cảng, khai thác tàu và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	113.740.235	241.482.819
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	3.334.714.097	3.438.689.460
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại Hải Phòng	31.301.743.366	28.846.133.865
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	955.721.966	895.925.455
Chi nhánh Công ty TNHH "K"Line (Việt Nam) tại thành phố Hải Phòng	32.340.000	
Công ty cổ phần Logistics New Way	1.067.137.956	19.700.000

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động cảng	84.229.939.558	88.839.755.624
Giá vốn của hoạt động tàu	818.478.942.009	767.605.552.440
Giá vốn hoạt động khác	49.576.594.200	33.202.095.448
Cộng	952.285.475.767	889.647.403.512

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.416.516.554	8.726.502.162
Lãi tiền cho vay	1.824.657.534	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.802.044.000	3.912.576.990
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết		803.100.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.184.677.718	2.005.673.499
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	870.872.963	
Cộng	17.098.768.769	15.447.852.651

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	23.451.710.381	17.035.078.178
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	624.128.171	300.815.947
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	741.471.589	19.136.700
Cộng	24.817.310.141	17.355.030.825

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	37.375.374.486	34.926.512.913
Chi phí vật liệu quản lý	1.239.243.260	1.397.699.416
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.025.056.794	884.330.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.248.381.236	3.959.419.534
Thuế, phí và lệ phí	118.669.637	126.584.000
Dự phòng phải thu khó đòi	360.570.354	358.973.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.087.657.470	8.046.668.140
Các chi phí khác	17.431.377.901	17.508.975.066
Cộng	67.886.331.138	67.209.162.972

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.438.747.248
Tiền bồi thường	1.108.077.674	1.609.558.629
Xử lý công nợ	-	221.028.147
Thu nhập khác	120.831.209	331.869.046
Cộng	1.228.908.883	3.601.203.070

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	5.053.238	260.657.191
Phạt vi phạm hành chính	94.075.000	80.960.000
Chi phí bồi thường	218.074.740	-
Ứng hộ chương trình "Nước cho vùng hạn mặn"	230.000.000	-
Xử lý công nợ	-	370.642.595
Chi phí khác	273.748.064	12.120.875
Cộng	820.951.042	724.380.661

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Lãi trên cổ phiếu****8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	138.296.287.136	121.378.387.528
Trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT ⁽ⁱ⁾	(7.949.000.000)	(8.184.281.814)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	130.347.287.136	113.194.105.714
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	47.668.082	48.209.698
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.734	2.348

- (i) Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng Ban điều hành năm 2020 được tạm tính bằng tỷ lệ trích 7% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	48.209.698	48.209.698
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại 816.900 cổ phiếu quỹ ngày 24 tháng 4 năm 2020	(541.616)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	47.668.082	48.209.698

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	303.091.015.713	324.723.742.074
Chi phí nhân công	138.420.657.119	115.960.854.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định ^(*)	137.201.480.785	116.852.289.217
Chi phí dịch vụ mua ngoài	356.054.165.736	321.744.738.251
Chi phí khác	85.404.487.552	71.609.478.771
Cộng	1.020.171.806.905	950.891.102.684

- (*) Chi tiết chi phí khấu hao phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.508.799.399	122.588.946.691
Chi phí khấu hao hoạt động BCC phân chia cho các đơn vị	(10.307.318.614)	(13.168.904.968)
Cộng	137.201.480.785	116.852.289.217

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền là 546.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 252.000.000 VND)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.834.737.923	3.896.728.210
Phụ cấp	458.450.000	618.400.000
Tiền thưởng	1.866.582.977	2.450.945.433
Cộng	6.159.770.900	6.966.073.643

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Logistics New Way	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An</i>		
Sử dụng dịch vụ của HAGS	7.719.551.649	8.245.878.574
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</i>		
Chi phí thuê văn phòng	3.134.491.169	3.160.146.289
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	612.839.699	-
HACT sử dụng dịch vụ tư vấn	1.724.840.000	2.683.290.000
Trả cổ tức	5.567.500.000	8.351.250.000
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	10.000.000.000	10.000.000.000
Phân chia lãi BCC	2.794.288.634	1.727.775.307
<i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức</i>		
Trả cổ tức	1.722.060.000	6.483.090.000
HACT sử dụng dịch vụ đại lý	17.277.423.878	15.265.501.675
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	15.000.000.000	10.000.000.000
Phân chia lãi BCC	1.696.908.285	-
Bên liên quan chia cổ tức	1.000.000.000	700.000.000
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng</i>		
Sử dụng dịch vụ đại lý	31.020.000	43.636.708
<i>Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh</i>		
Chi phí vận chuyển đường bộ	6.214.898.135	2.811.753.636
<i>Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh</i>		
Trả cổ tức	2.000.000.000	3.000.000.000
Sử dụng dịch vụ nâng hạ	366.303.047	2.198.803.401
<i>Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh</i>		
Trả cổ tức	1.000.000.000	1.500.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.12, V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	172.505.653.086	944.730.004.637	74.431.544.656	1.191.667.202.379
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	172.505.653.086	944.730.004.637	74.431.544.656	1.191.667.202.379
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	88.275.713.528	126.251.062.628	24.854.950.456	239.381.726.612
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(67.886.331.138)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				171.495.395.474
Doanh thu hoạt động tài chính				17.098.768.769
Chi phí tài chính				(24.817.310.141)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				5.974.682.759
Thu nhập khác				1.228.908.883
Chi phí khác				(820.951.042)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(23.561.744.906)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				146.597.749.796
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	15.420.601.816	221.692.765.026	184.379.177.165	421.492.544.007
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	41.820.852.266	64.666.701.916	9.251.954.766	115.739.508.948
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	167.863.270.629	880.237.417.463	60.832.361.269	1.108.933.049.361
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	167.863.270.629	880.237.417.463	60.832.361.269	1.108.933.049.361
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	79.023.515.005	112.631.865.023	27.630.265.821	219.285.645.849
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(67.209.162.972)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				152.076.482.877
Doanh thu hoạt động tài chính				15.447.852.651
Chi phí tài chính				(17.355.030.825)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khác	Cộng
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				3.056.485.639
Thu nhập khác				3.601.203.070
Chi phí khác				(724.380.661)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(23.364.083.090)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				132.738.529.661

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	12.680.105.846	158.278.047.884	75.485.527.886	246.443.681.616
---	-----------------------	------------------------	-----------------------	------------------------

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	42.823.119.031	91.101.183.927	16.543.843.107	150.468.146.065
---	-----------------------	-----------------------	-----------------------	------------------------

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	281.524.286.190	872.707.428.782	483.544.592.547	1.637.776.307.519
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				456.774.971.026
Tổng tài sản				2.094.551.278.545

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	41.491.940.130	384.059.144.979	239.864.410.228	665.415.495.337
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				93.339.170.032
Tổng nợ phải trả				758.754.665.369

Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	529.040.392.576	786.540.035.431	417.256.681.039	1.732.837.109.046
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.827.544.202.998
Tổng tài sản				1.827.544.202.998

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	21.821.128.420	326.928.853.056	166.000.424.017	514.750.405.493
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				58.111.570.625
Tổng nợ phải trả				572.861.976.118

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Trưởng phòng TCKT



Trần Thị Thanh Hảo

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải



**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
www.a-c.com.vn

HEAD OFFICE

02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879
Fax: 024. 3 736 7869
kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban
Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 2 465 151
Fax: 0258. 2 465 806
kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho

I5-13 Vo Nguyen Giap St.,
Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995
Fax: 0292. 3 764 996
kttv.ct@a-c.com.vn